Năm thứ hai — Số 40
Tuần lễ từ thứ tư 25 đến thứ ba 31 Mars 1942

tri tân

tạp chí văn-hoá ra hằng tuần

知新雜誌

TRONG SỐ NÀY :

Xin đừng bôi nhọ những nơi danh-thắng — *Phạm Mạnh-Phan*
Những ông nghè triều Lê (XIV) — *Nguyễn Văn-Tố*
Ai đã đặt ra chữ nôm ? — *Liên-Giang*
Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (XIX) — *Ứng-Hoè*
Một bài thơ cổ về bà Trưng (III) — *Nguyễn Văn-Tố*
Một việc khám kho — *Tiên-Đàm*
Nhìn qua văn-học Việt-nam năm 1941 (Hết) — *Lê-Thanh*
Thoát cung vua Mạc (XIV) — *Chu-Thiên*
Ông Võ Huy-Tấn (Hết) — *Hoa-Bằng*
Sumatra (Thời-đàm) — *Nhật-Nham*
Tiếng dội của bạn đọc
Bản đồ đàn Nam-giao

REVUE
CULTURELLE HEBDOMADAIRE
195, RUE DU COTON, 195
HANOI

GIÁ BÁO :
Mỗi số 15 xu
1 năm 6$80
6 tháng 3.50
3 tháng 1 80

Cảnh cáo một số đông du khách

XIN ĐỪNG BỐI NHỌ *những nơi danh-thắng*

PHẠM MẠNH-PHAN

GẶP tiết xuân êm-ả, phần đông chúng ta ai cũng muốn bớt chút giờ nhàn-rỗi, xa phóng tầm mắt, ngắm nhìn những cảnh-vật thiên nhiên, những nơi danh lam, thắng cảnh...

Hết thảy chúng ta ai cũng muốn có những phút êm-ái dịu-dàng, tâm hồn yên lặng để lãng quên những sự nhỏ-nhen hẳn-học của thế-nhân ghen-tị, những cảnh đau lòng «*tiền tài hai chữ son khuyên ngược*» gây nên bởi nhân-tình điên-đảo, hoặc thế-sự thăng trầm bởi lòng người mù quáng vì danh vì lợi mà để lương-tâm chôn-vùi dưới lớp bùn nhơ!

Có khi chúng ta hững-hờ với sự sống nhạt-nhẽo của cuộc đời bằng-phẳng bó-buộc vì kế mưu sinh. Có khi chúng ta thèm-thuồng những làn gió lạ hoặc khát khao những bầu không-khí trong-trẻo. Có khi chúng ta đắm-say, mơ-màng những cảnh xuân tươi đẹp, chim non ca hát, trăm hoa chúm nở, nên chúng ta đã từng phen sốt-sắng đáp lại tiếng gọi phiêu-lưu của non cao rừng thẳm, của bể rộng trời xa, mà muốn có một cuộc du ngoạn đó đây để di-dưỡng tinh-tình, để thỏa-mạn chí giang-hồ phiêu-bạt...

Chúng ta đã có khi ra đi với tất cả tấm lòng sốt-sắng của tuổi trẻ, với tất cả sự hăm-hở của tâm-hồn, hoặc với tất cả sự thành-kính của một con chiên, để trước những cảnh đẹp của giang sơn đất Việt, chiêm-ngưỡng và nhắc-nhở những công-nghiệp nghìn xưa của những vị anh-hùng cứu quốc đã vì ai bao phen ra tử vào sinh. Cũng có khi đối cảnh sinh tình, trước sự tàn phá khốc liệt của thời-gian, chúng ta đã cảm chuyện giang sơn suy thịnh!

.·.

Cạnh đền-đài uy-nghiêm của hai Bà Trưng, chúng ta đã từng nghiêng mình thành kính nhớ ơn hai vị đại nữ anh-hùng mà căm giận quân sài lang Đông-Hán đã làm cho ai có những phen nghiêng ngửa, cuốn cờ-đồ Mi-linh ấy theo giòng Hát-giang!

Trông bia nhà Giám, cỏ mọc rêu phong còn hằn in nét mực cựu thời, ai người không thương tiếc cho những tài-ba lỗi-lạc của đất nước đã quá say-mê «bả» khoa danh mà sự-nghiệp muôn đời chỉ thu lại bằng mấy nét rêu mờ trên bia đá cũ.

Trước đền Vạn-kiếp, nhìn làn sóng Bạch-đằng nhịp-nhàng cuồn cuộn như ca, như hát, chúng ta đã lấy làm hãnh-diện có một bực tiên tổ, chí-khí hiên-ngang như đức Trần Hưng-Đạo đại-vương bao phen múa kiếm xua đuổi quân Nguyên, làm lừng-lẫy đất Việt, giữ-gìn nồi giang sơn xã tắc, tránh cho trăm họ khỏi bước lầm than!

Hoặc trên đỉnh non cao, trước làn khói tỏa của hương trầm nghi-ngút, cạnh bàn thờ đức Hùng-vương, chúng ta lòng đã đầm say vì thờ kính nhớ ơn đức tiên tổ đã dày công gây dựng mới có ngày nay... Và vì liên tưởng chúng ta sao khỏi không nhớ công đức Phù-đổng thiên-vương, trên mình ngựa sắt thét ra lửa, lấy gộc tre mà phá giặc Ân, cứu được đất nước khỏi cảnh ngửa nghiêng nghiêng ngửa, rồi lánh mình ẩn tích sau dãy Sóc-sơn!

Cũng có khi dạo cảnh Tây-hồ, chúng ta bắt chước người xưa như cụ thượng Trứ:

«*Dập-dìu trăng mạn, gió lèo,*
«*Lỏng ngâm vân thủy, bơi chèo yên ba*»

mà khen cho Hóa công đã khéo tô điểm giang sơn gấm vóc: giữa chốn thành thị mà riêng nầy một áng lâm tuyền!

Đối cảnh sinh tình, hồn thơ lai-láng, nên ngắm ngọn cỏ nghiêng mình trước gió đông, từng phen giục lòng hoài cảm như thương như mến người xưa đã tốn công vun đắp mà trạnh lòng nhớ tới hai câu thơ cũ:

«*Kim cổ treo chung tranh thủy mạc;*
«*Tang thương chớp nhoáng bóng hoàng hôn*».

Trong cảnh âm u của hang núi Hương-sơn, khách du-quan đã có phen tưởng mình như đắm-say vẻ huyền bí cao siêu mà những muốn trước bóng từ-bi, nương nhờ bóng Phật để cho lòng lâng lâng khỏi bộn chút trần ai... Vì trước cái cảnh:

«*Thỏ-thẻ rừng mai chim cúng trái,*
«*Lững-lờ khe nước cá nghe kinh*»

hoặc những khi

«*Nhác trông lên, ai khéo họa nên hình,*
«*Đá ngũ sắc long-lanh như gấm dệt*»

mà cụ Ân Chu Mạnh-Trinh đã

miêu-tả trong một bài thơ bất hủ, thì chúng ta những khi :

« Thoảng bên tai một tiếng chày kinh,
« Khách tang hải giật mình trong giấc mộng »

dầu có đắm say cảnh vật thiên nhiên, có mải mê những cảnh trí thanh cao khoáng-đãng, cũng phải tự biết mình chẳng được siêu phàm như ai, đành quay lại với bọn người mê muội bon chen danh lợi !

Xa hơn nữa, cũng đôi phen chúng ta mảng vui đất đế-đô, lãng du thăm viếng chốn sông Hương, núi Ngự. Trước Thiên-thu lăng của đức Gia-Long hoặc cạnh Khiêm-lăng của vua Tự-Đức, chúng ta đứng trong những lòa thành đồ-sộ nguy-nga, cảnh-trí tĩnh-mịch, núi cao huyền-ảo mà ngắm cảnh trời, mây, nước. Tâm hồn chúng ta, trong phút mê-ly ấy, như vui vẻ theo làn gió ca hát trên ngọn thông xanh, như mường tượng thấy cái hạc bay về cột hoa, thăm-viếng nhân-dân, thành-quách...

Giấy mực có hạn, chẳng cho tôi nói hết ở đây những thú thanh nhã của những cuộc du xuân, những vẻ đẹp oai nghiêm của đền đài tráng-lệ. Đi thăm cảnh cũ, nhắc nhở công nghiệp người xưa còn in hằn dấu-vết trong những danh lam thắng cảnh, lúc trở về khách du quan ai không cảm tình chan chứa, tấc dạ bồi hồi...

Trong những cuộc du xuân đó, khi đi chiêm ngưỡng, lúc mảng lãng du, chúng ta đã thấy những gì ?

Chúng ta đã lấy làm đau lòng nhận rằng cảnh đẹp thiên-nhiên là của chung non sông đất nước mà lắm kẻ có học-thức hẳn-hoi, tự ra tay sang-sửa một cách lỗ-bịch, đáng chịu những lưỡi búa rìu trừng phạt !

Họ ngạo-mạn dám coi cảnh đẹp công-cộng của đồng-bào là như những vườn núi của nhà họ, tự ý riêng họ muốn làm thế nào thì nên thế ấy...

Độc giả ai đã từng đề chân lên núi Thúy-sơn, nơi trông cúc của Trương Hán-Siêu xưa, tất cũng thấy những sự sửa-sang kỳ-quặc của một vài kẻ « rởm đời » mà nay đã ra người thiên-cổ.

Những hòn đá nhấp nhô bị đem xếp lại một cách ngây ngô « làm chỗ như để đánh cờ, làm nơi như để ngồi câu cá ».

Muốn dấu-vết mình cùng nghìn thu trường thọ, có vị tài hèn chí mọn đã cho khắc thơ cùng hai bàn chân to của mình trên tảng đá lớn. Sĩ-phu trong nước đã từng nổi giận bất bình, giễu cợt chua chát trong mấy vần thơ mà trước kia thi sĩ Tản-Đà đã từng ghi chép :

« Ai đã năm xưa đục bốn vần,
« Ngày nay ai lại đục hai chân.
« Khen cho đá cũng già gan nhỉ,
« Đứng mãi cho ai đục mấy lần ! ».

Những hành-vi đáng nực cười ấy, người ta thấy nhan-nhản chẳng cứ riêng gì non Thúy mà ở nhiều chỗ khác nữa.

Nào trong động chùa Trầm, trong chùa Hương-tích, nào trong các hang ở vịnh Hạ-long hoặc cả đến các đền-đài uy-nghiêm, chúng ta cũng thấy biết bao du khách muốn mọi người biết đến, đã bôi nhọ những chỗ đó bằng những câu thơ đầu Ngô, mình Sở !

Nếu không làm thơ thì họ lại khắc tên và địa-chỉ họ nham-nhở lên những tảng đá vô tội bị hành-hạ ! Đây, một cặp uyên-ương để những lời ân-ái trong chỗ có liên-can đến lịch-sử của đất nước để kỷ-niệm tuần trăng mật của họ ! Đơ-đáy thay ! Kia, một vài đồ thơ bá láp cũng bập-bẹ lựa vần ghép chữ lên mặt thi-nhân. Hoặc chỗ nọ mấy chàng trai-trẻ chưa qua bậc sơ-học cũng tì-tòe rằm ba tiếng Pháp ngô-nghê !

Không thể tha thứ được, những hành-vi vô ý thức chỉ làm dơ-bẩn và nhem-nhuốc những cảnh thiên-nhiên của non sông đất nước !

Không thể dung được, lũ giặc trong đám du khách có những cử-chỉ điên cuồng ấy !

Thật không phải nói ngoa, chỉ ở nước ta mới sản-xuất hạng người chí-khí lớn bằng hạt thóc, tài-ba to bằng con kiến như kia, thế mà những muốn tên hèn của mình được ngàn thu biết đến ! Những văn-sĩ nửa mùa vài câu sáo mép đi đâu cũng nghênh ngang tự đắc bắt-chước người xưa ngâm ngâm ngâm vịnh vịnh chỉ tổ làm một trò cười cho người thức giả.

Hôm nay ở đây, tôi lớn tiếng cảnh cáo họ : phải biết trọng cảnh đẹp thiên-nhiên của đất nước, phải kiềm-chế lòng tự-ái không bờ bến, phải bài-trừ những hành-vi lố bịch như trên ! Hãy để yên, đừng bôi nhọ những kỳ-công của Tạo-hóa, đừng làm nhơ nhớp những đền-đài trang-nghiêm vì đó là của báu của người đời muôn thủa.

PHẠM-MẠNH-PHAN

Ô mai **Tiến Lợi** *ngon lành*
Và lơ **Tiến Lợi** *nổi danh ở đời*
Bốn trăm linh bảy Bạch-mai. Hỏi thăm cho đến tận nơi mua dùng

Một kiến-giải của bạn

CHỮ NÔM TA CÓ TỰ BAO GIỜ VÀ AI SÁNG-CHẾ RA CHỮ ẤY?

của LIÊN-GIANG

BAO nhiêu nhà sử-học đã ra công nghiên-cứu về vấn-đề này, mà vẫn chưa giải-quyết được một cách rõ-rệt và khúc-triết. Lắm nhà học-giả đồ rang chữ nôm ta do ở Nguyễn Thuyên đời Trần nhân-Tôn đặt ra. Nhưng có người lại bác thuyết ấy, viện lẽ rằng quốc-sử chỉ nói Nguyễn Thuyên giỏi về nghề thơ phú quốc-âm, khiến cho nho-sĩ đời ấy đều đua nhau bắt-chước làm lối văn nôm, chớ chưa từng ghi rõ Nguyễn Thuyên đặt ra chữ nôm. Vả lại, đời Trần đã có phong-trào làm văn nôm, ắt bấy giờ thứ chữ quốc-âm để ghi chép lối văn ấy đã tới thời-kỳ phát-đạt. Một thứ chữ mới phôi-thai, hẳn chưa thể rút ngắn thời-giờ mà phát đạt ngay được.

Văn-chương là để tô-điểm cái ý-nghĩ tự trong tâm-can mà ra, nếu chưa có một thứ chữ riêng để ghi-chép cái ý-nghĩ ấy, để gọt dũa cái ý-nghĩ ấy, thì văn-chương không thể tinh-tiến được. Bởi thế, họ mới tưởng-tượng đi ngược trở lên hồi Bắc-thuộc, nghĩ ngay đến Sĩ-Nhiếp là một viên quan thái-thú tàu, cai-trị ở Long-biên, đã từng đem Thi-Thư mà dạy-dỗ dân ta. Người ta bèn đoán rằng chắc Sĩ-Nhiếp phỏng theo âm vận chữ hán mà đặt ra chữ nôm để phiên-dịch những Kinh Truyện của Tàu.

Thuyết này mới nghe, tưởng cũng như có lý. Song xét cho kỹ, tuyệt nhiên không có một căn-cứ gì bảo rằng Sĩ-Nhiếp là thủy-tổ chữ nôm cả. Sĩ-Nhiếp, tuy 6 đời di-cư sang đất Việt, vốn là người trung-hoa. Được cử vào khoa hiếu-liêm, bổ chức thượng-thư lang ở bên Tàu, kế lại được cử vào khoa mậu-tài, Nhiếp bấy giờ mới bị bổ sang làm chức thái-thú ở quận Giao-chỉ. Nhiếp hoàn-toàn là một viên quan tàu. Sử chỉ chép rằng Sĩ-vương thông hiểu kinh Thi, kinh Thư, giải nghĩa rất rõ về kinh Xuân thu, chưa từng nói đem những Kinh Truyện ấy ra dạy dân ta bao giờ. Đoạn tiểu-sử của Sĩ thái-thú ghi rất tường-tận, sử ta toàn chép theo sử tàu. Người tàu vốn hay tự tôn đại, không bỏ sót một cái công nhỏ mà không biên. Huống chi một việc sáng-chế ra chữ nôm, một thứ chữ của cả một dân-tộc, không khi nào họ không nói tới.

Suy những lẽ như thế, ta có thể quyết rằng Sĩ-Nhiếp không phải là thủy-tổ chữ nôm ta.

Vậy đã không phải Hàn Thuyên (tức Nguyễn-Thuyên), lại không phải Sĩ-Nhiếp, thì ai sinh ra chữ nôm?

Nếu cứ lấy chứng-cớ xác-thực làm định luận, thì ở sử ta, hay sử tàu, về vấn-đề chữ nôm, mịt-mù không có chỗ nào mà khảo-cứu. Nếu bảo tìm những di-tích ở bia cổ, ở thành-quách lăng miếu đời xưa, thì lại càng khó bói ra được lấy một chữ nôm vì chữ nôm ta vốn vẫn coi như thứ chữ của hạng dân đen, hạng ít học. Những bia, những lăng, những miếu kia thường là di-tích riêng của lớp người quí-phái, mà phần nhiều là của quan-lại tàu, có đâu lại biên khắc một thứ chữ rẻ-rúng.

Luận-lý. — Vậy nay ta phải lấy lý mà luận.

Một dân-tộc như nước ta đã có riêng một thứ tiếng, tất lúc mới nhóm thành bộ-lạc, cũng có riêng một thứ chữ thô-sơ. Thứ chữ ấy cũng đại đồng tiểu dị như thứ chữ của dân mán dân mường vùng thượng-du nước ta bây giờ. Có điều thứ chữ ấy không nhiều, nguệch-ngạc thiển cận chỉ đủ dùng theo trình-độ dân hèn thấp lúc bấy giờ. Dần-dần dân ta hấp thụ được văn-minh của Trung-hoa, cách sinh-hoạt càng ngày càng tiến, thì lối chữ thô-sơ, bị đào-thải lần lần, rồi tiêu-diệt hẳn bên cạnh thứ chữ hán nó có đủ tính-cách, đủ hiệu-lực để giáo-hóa trong quốc-dân. Chữ hán bắt đầu truyền-bá sang nước ta vào khoảng cuối đời nhà Triệu, rồi lan khắp trong xứ vào đời cai-trị của hai thái-thú Tích-Quang và Nhâm-Diên. Đến đời Sĩ-vương, thì hán-học đã thịnh-hành ở nước ta rồi vậy.

Song le, trong bốn hạng dân, chỉ có hạng khá-giả mới làm nổi được bực « sĩ ». Hạng « sĩ » này, có người hán-học uyên-bác, cũng được cử vào khoa hiếu-liêm, khoa mậu-tài, và được bổ làm quan cho chính-phủ tàu, như bọn Lý Cầm, Lý Tiến, Trương Trọng và anh em Khương-Công-Phụ. Còn ba hạng dân : nông, công, thương thì đành chịu ở trong vòng ngu-tối.

Giữa lúc ba hạng dân kia đương ở trong cảnh ngu-độn, trong không có văn-giáo, ngoài không có tôn-giáo, mà hạng sĩ sô đẩy nhau theo học chữ hán để mong được địa-vị cao quí hơn như làm lại nhỏ ở nha môn, hay đình-trưởng ở làng xóm, thì đạo Phật lần lần truyền qua bờ cõi ta.

Có những tăng-đồ người tàu thông-thuộc tiếng việt sang giảng đạo. Rồi có những hạng sĩ thâm hiểu hán-học ở nước ta, cũng mộ đạo quy-y. Vì thế, Phật-giáo truyền sâu vào lớp bình-dân mau chóng lắm.

Đời Ngũ-đại, Khổng-giáo chưa thịnh-hành. Ảnh-hưởng của Phật-giáo tràn-lan khắp nước Tàu. Nước ta là một nước nhỏ ở cạnh, rất dễ bị hấp-dẫn. Chẳng bao lâu, dân-gian đều tín-mộ đạo Phật. Hồi nhà Đường, theo như sách « *Kiến văn tục* » của Lê Quý-Đôn, nước ta đã có bốn vị cao tăng sang Tàu, họa thơ với những thi-hào ở bên ấy.

Khi Phật-giáo đi khắp dân-gian nước ta, có những bọn thầy tu đi thuyết pháp và cúng giàng. Trong phép cúng giàng độ cho chúng-sinh tật khổ, thường có những lá điệp, tức như những lá sớ, hay là ở bài-văn phát-nguyện, có biên rõ tên tín chủ là ai, trú-sở ở đâu, nhất tâm phụng thỉnh Chư Phật tế độ.

Trong lớp bình dân, tên họ có đâu được hoa-mỹ như những lớp có văn-học. Hoặc tín-chủ tên là Nguyễn-Văn-Kèo hay là Trương-thị-Cả, quán tại xóm Giếng, thôn Bà-ngô, hay là làng Ả-đầu, huyện Tiên-lữ, vân, vân... Tất nhiên bọn tăng-đồ phải nghĩ ra một thứ chữ để ghi những danh-hiệu đó. Ấy đó, chữ nôm ta phát-sinh ra từ đó.

Kế đến thư-từ đi lại, hoặc bởi bọn tăng-lữ kém học trao-đổi cho nhau, hay bởi dân-gian nhờ bọn ấy viết hộ, để gửi cho thân thuộc. Thế là chữ nôm thành thông dụng, dần-dần lan khắp các châu-trấn. Những bọn nhà-lại ta cũng theo đó, viết trát cho kỳ-dịch, cho đình-trưởng. Từ quan cho đến dân, lấy chữ này làm môi-giới, trên bảo dưới hiểu, việc cai-trị vì thế được ổn-thỏa. Song, nó chỉ là một thứ chữ của hạng kém học, nên phái túc-nho vẫn khinh thường không thèm dùng.

Cái cớ mà bọn tăng-lữ lấy chữ hán suy đặt ra chữ nôm là ở một lẽ rất dung-dị, do sự kinh-nghiệm mà ra. Có những kinh Phật chữ phạn, đan cử như kinh Lăng-nghiêm cũng do tăng-đồ bên Tàu chuyển biên sang một thứ chữ nôm Trung-quốc theo âm thanh phạn-ngữ. Nhân đó các nhà sư bên ta, vì sự cần dùng, nên cũng theo gương đó, mô-phỏng chữ hán tạo chế ra chữ nôm. Sự đó rất tự-nhiên. Chỉ do hoàn-cảnh, thời-thế, nhu-dụng nó xui khiến, nó bức-bách mới nảy nở ra một thứ chữ quốc-âm vậy.

Có thuyết nói rằng : xưa ta đọc chữ hán theo giọng quan-thoại Tàu, dần dần về sau, nó hóa-theo thanh âm của ta, nên sai hẳn giọng đọc cũ. Nếu lấy chứng ở sử sách, thì thuyết này không đúng, vì từ Hán đến Tống đã cách xa 800 năm, mà sứ nhà Tống là Lý Giác sang đáp lễ vua Lê Đại-Hành, vua sai nhà sư Đỗ Thuận đem thuyền đón ở sông Sách-giang. Khi đi thuyền, Giác thấy có đôi ngỗng lội trên mặt nước, liền ngâm một câu rằng : «*Nga nga, lưỡng nga nga, ngưỡng diện hướng thiên nha*». Nhà sư Thuận vừa bơi chèo, vừa ngâm tiếp : « *Bạch mao phô lục thủy, hồng trạo bãi thanh ba* ». Giác nghe, lấy làm kinh dị.

(*xem tiếp trang 20*)

LI ÊN-GIANG

RƯỢU

Duboquina
Le Bateau
Cam Xã-Doài
Ngũ-gia-Bì
(*Alcools médicamenteux*)

Chế bằng quinquina, jentiane và quả tươi.

Hiệu Ngọc-Hương *48 Sinh-từ Hanoi*

Tổng phát hành Bắc-kỳ.

Nhà chế tạo : **Đào-Viên** *117 Maréchal Foch Vinh.*

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ...

Số 19

Ứng-Hoè NGUYỄN VĂN-TỐ

LXXVII

Bài phú tổ-tôm (đọc vận)

của Lương-y TRẦN-VĂN-NGHĨA

BẢY mảng trên tay, ba hàng trước mặt; khi thừa nhàn ở cuộc tụ tam, trường đồng lạc vào tuồng đệ nhất; hội gặp thiên-khai thái vận, gần xa đâu chẳng mừng ran, cuộc chơi thượng đẳng trí cao, to nhỏ đều cùng vui thật.

Thuở ấy, rảnh việc thông mang, có chiều an-dật; chuyện bất-can nghe cũng nhảm tai, buồi vô-sự ngủ đà chán mắt; khách đài-các một mùi một lịch: chè sen rượu cúc, tiệc hứng vui-vầy; nhà phong-lưu mỗi vẻ mỗi hay: nệm gấm chiếu hoa, thế ngồi tươm-tất.

Vậy mới thử biết thấp cao, xét xem khoan nhặt; t ền mặt đem xuất thồ chất đầy, bài da nện trang-kim tốt ngất; hình-thế trăm hai mươi lẻ, ăn xuyên ghé bí, một quân hơn kém phải suy lường, tinh-thần năm bảy hội liền, chực-rộng ù-thông, mấy nước dọc ngang cùng chiu-chắt: trong khi chơi cũng có kinh quyền. cao thế đánh mới hay trí thuật.

Đen thời đặt bỏ ngồi khêu, cầm bài ngủ gật; trôi chửa xong đầu cánh lại tuôn thêm, ăn mà tốt tay trên liền phỗng mất; gà vịt chịu không dám đánh, đảo trăm cấp thấy đôi ông lão, ôi l ền ba ván cần theo đuôi, tôm bò chực những không ù, mở ba vòng đều một con yêu, chắc đã thập thành còn thiếu cật; người sốt gan thấy cũng buồn cười, kẻ xấu nết nghĩ cảng đồ ghét.

Đỏ thời phỗng ngỡ mưa tuôn, ù như chớp giật; gặp ăn tốt lại vui vào, vừa chực sẵn liền mở bật; bản chi nầy rồi liền toàn-bạch, vươn cánh tay bắt giải lợn béo, rằng cao khoe một tấc đến giời; thông tam-khôi vừa đủ thập hồng, vểnh râu lên thách lấy gà mòn, được thề nói mấy nhời dậy đất; vang lừng kẻ đỏ nói chua ngoa, lẳng-lặng người đen ngồi đăng ngắt.

Kìa xem bao kẻ chơi chẳng, quen nghề kiếm vặt; gọi tên là bạc toan những cản khôn, bưng mắt lấy tiền, biết đâu giáp ất; nhạt nước ốc trò chơi vô vị: tam-cúc, đố-mười, đấu-lình, bảy-kiệu, thấy đâu là vẻ thanh-tao; ngang càng cua lối ở bất-bình: sa-quay, chẵn-lẻ, rồi-mỏ, ba-que, hết thảy những tuồng thô- suất; đem mấy nghề lươn lẹo so xem, sao bằng thú tôm già ăn đứt.

Tuy vậy, vui chớ loang-toàng, chơi đừng ngoa-ngoắt; chán thời thôi há đến say mê, thua phải giả nào từng réo-rắt; thấp mà đỏ dẫu được chừng bát-vạn, e tình xử-nghĩa chẳng bền dai; cao mà đen thì ra dạng cửu-văn, nửa cuộc giao tài thêm bứt-rứt; chi cho bằng phải khoảng vui chơi, chớ có để đến điều rầy-rật.

Làng ta nay tính sẵn tri-năng, học gồm văn chất; nghiệp nho-gia sách vở thuộc lầu, nghề tài-tử văn-chương trong vắt; độ phỏng sáu đồng dưỡng-thọ, thử - đàm nguyên những kẻ thật-thà, chừng chơi vài trống đào-tình, diện hậu sẵn mấy thằng nhỏ-nhoắt; gọi là mượn thú để mua vui, há lấy tụ-tam làm ý tất (1).

(Theo quyển *Quốc-văn tùng-ký* của Hải-châu-tử biên-tập, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 383, quyển hạ, tờ 33-34).

LXXVIII

Các quan ở phủ-liêu mừng Vương-phủ (Trịnh-Doanh, 1740-1767) tôn chính-cung làm chính-phi

Tần - tảo bấy nay hợp đạo thường,
Tiếng khen còn ngợi giá Nhâm Khương.
Tài gồm có đức nên nhuần tốt.
Gấm cải thêm hoa mới rỡ-ràng,
Cù-mộc thơ còn in thẻ ngọc,
Kê-minh thiên hãy dấu phiên vàng.
Khôn tam đành cậy trong muôn việc,
Kiền ngũ ngồi xem máy sửa-sang.
Việc ngoài cậy đã sửa-sang,
Giúp trong thêm cậy đỡm-đang gia-tề.

Con bà ho

Nhất là HO GÀ

Thuốc ho gia đình

Tổng phát hành

Nhà thuốc Tuệ-Tĩnh

53, rue Auvergue VINH

Sắt cầm vui nối tiếng hòa,
Khi ca Lân-chỉ khi đề Chung-tư.

Mồng mười tháng năm, năm Cảnh-hưng mười sáu (1755).

(Trích ở quyển *Quốc-âm thi-ca tạp-lục*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ số AB 296).

LXXIX

Vân-canh Thiêm-sai

Gác xe đường bắc đi tìm,
Hạ-lôi lúc ấy một nhầm hận không ?
Cái quan định tỏ non sông,
Vua tôi khó nhọc mảnh lòng như in.

Trích ở quyển *Phong-cảnh biệt chí*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 377, tờ 12a)

LXXX

Phủ-học thạch-bi

Hiền-thư phật-lục xưa nay.
Đá bia một dựng vẽ đầy quỳnh-lâm.
Văn-đàn hương lửa trăm năm,
Tưởng quan thái-thú lòng chăm nhường nào !

(Trích ở quyển *Phong-cảnh biệt chí*, tờ 12b.) (2)

LXXXI

Chùa núi Yên-tử

(của Trịnh Căn, 1682-1709).

BÀI DẪN (bằng chữ nho, dịch ra quốc-văn). — Ta thường xem-xét bờ-cõi, bày tả cảnh-sắc, thấy chùa Hoa-yên núi Yên-tử phong-cảnh lạ nhất, đem lòng yêu, vì muôn hình mông-mênh mũi đất, xát chín tầng mây chót-vót cột giời, hiện ra như rồng như phượng, mọi vầng xanh tốt, khinh tuyết lấn xương, nghìn hàng xanh biếc, trông như gấm vóc ở trong núi, giặt màu xanh như ngọc nhả, muôn dòng chầu về tôn-tổ. Mở cửa thấy dãy núi san-sát như ngọc quỳnh, như khâm-bình ngoài núi, hòa với ánh đỏ là thức ăn của tiên-tử và mây trắng là chí-khí kẻ cao-nhân, rất nhiều thú-vị, không thể nào vẽ cho hết được, tình-cờ thuật bốn vần thơ thất-ngôn, giở lại dùng quốc-âm, để cho quang-cảnh thiên-nhiên nhân thế mà thêm rực-rỡ.

Cung quế hương đưa thoảng thoảng mùi,
Lâng-lâng chẳng bợn chút trần-ai.
Thanh-lương một khóm vang-vang rộng,
Ưu-bát nghìn xuân rỡ-rỡ tươi,
Gió đức hiu-hiu nhuần mọi đỉnh,
Doành nhân cồn-cộn khắp đôi nơi.
Thấy thiền-tăng những vân-vân hỏi,
Cảnh với thu chầy hẳy-hẳy vui.

(Trích ở quyển *Ngự-đề Thiên-hòa-doanh bách-vịnh*, của Trịnh-Căn sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 544, tờ 13b-14b.)

(*Còn nữa*)

Ứng- Hòe NGUYỄN VAN TỐ

Thống-chế PÉTAIN đã nói:

Bằng ở lời nói và việc làm, Thống-chế đã lấy dây cương-thường bất diệt để ràng buộc Đông và Tây Pháp và Việt.

Từ đây người Việt có thể tự hào nói: « Cái gì của nhà Pháp là của nhà Nam » mà không trái ngược với nền nếp tiền nhân để lại.

1) Bản của cụ Nguyễn Đông-châu in ra quốc-ngữ trong quyển *Cổ-xáy nguyên âm* (trang 72-73) khác với bản chữ nôm của Trường Bác-cổ ở những câu sau này : «Chừng đồng lạc, vào nhòng đệ nhứt» (Sách của Bác-cổ chép là : Trường đồng lạc vào tuồng đệ nhất ; » ; « G ản việc thông-manh» (Bác cổ là : Rảnh việc thông-mang) ; «Một mùi một trải» (Bác-cổ là: Một mùi một lịch) ; «Chè sen rượu thuốc » (Bác-cổ là: Chè sen rượu cúc) ; «Dựa gấm, chiếu hoa » (Bác-cổ : là Nệm gấm chiếu hoa, v.v.

2) Những bài thơ đang trong số-này chưa in ra quốc-ngữ bao giờ. Nguyên-văn chữ Hán bài *Phong cảnh biệt chí* sao ra như sau này :

Vân-canh Thiêm-sai

Xa giá khi khu bắc đạo tầm,
Hạ-lôi nhất-ngộ hận di thâm.
Cái quan định luận giang sơn bạch,
Thần chúa gian nan nhất phiến tâm.

Phủ-học thạch-bi

Phật-lục hiền-thư tự cổ-câm,
Phong bi nhất nhất học quỳnh-lâm
Văn-đàn hương-hỏa đồng hân y t,
Tưởng kiến đương niên thái-thú tâm

Quan hệ

Mỗi khi bản chí cho ai đi thu tiền của các ngài đều có biên lai in tên nhà báo cùng dấu đỏ nhà báo với chữ ký của ông Dương - Tụ - Quán. Bản-chí lại phát cho người đi thu tiền đó tấm carte de presse trên có dán ảnh người ấy. Các ngài giả tiền nên chú ý cho. Đa tạ lắm.

TRI-TÂN

Bia Văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 14 **Ứng-hòe NGUYỄN VĂN-TỐ**

NẾU cứ ba năm một kỳ thi, thì sau khoa Thái-hòa thứ sáu 1448 đến khoa Thái-hòa thứ tám 1450, rồi đến khoa Thái-hòa thứ mười một 1453. Nhưng hai khoa này đều không thấy bia, chỉ thấy quyển *Đăng khoa lục* chép khoa Thái-hòa thứ 11 như sau này. Quyển *Việt-sử cương-mục* không chép cả hai khoa, chỉ nói năm 1449 đổi lại cách thi lại (thí lại pháp, ở quyển 18, tờ 14 a) và cấp sái phu cho Văn miếu và học hiệu các bộ (quyển 18 tờ 19 a.) Vậy đành phải kê cứu ở quyển *Đăng khoa lục* và quyển *Đăng khoa bị khảo*. Theo hai quyển này thì khoa Thái-hòa thứ 11 là khoa quí dậu 1453, đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân mười người :

1. — Võ bá-Triệt, người xã Thái-bạt, huyện Bất bạt, đỗ năm hai mươi nhăm tuổi. (*Đăng khoa lục*, q. 1 tờ 8 a ; *Thiên nam lịch triều liệt huyện Đăng khoa bị khảo*, thu tập thượng, tờ 2 b.)

2. — Phạm bá Khuê, người xã Nhân lí, huyện Thanh lâm phủ Nam sách, đỗ năm hai mươi nhăm tuổi, là tổ Phạm-Dương, tằng tổ Hưng Nhân, Khắc-Minh và Văn-Tuấn. Làm quan đến thị lang. Năm Quang thuận giáp thân 1464 đi sứ sang nhà Minh tiến hương (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 8 a, *Đăng khoa bị khảo*, Hải dương, tờ 56a.) Nguyên « trước kia nhà Minh sai chánh sứ là Thượng-bảo-tự khanh Tô lăng Tín, Hành-nhân ty hành nhân là Thiệu-Chấn sang nước ta báo vua Hiến tôn lên ngôi, ban sắc-dụ và mũ-áo tơ-lụa. Năm Quang-thuận thứ năm 1464 vua Lê Thánh-Tôn (1460-1497) sai Phạm bá Khuê sang Tàu tiến hương, Lê hữu Trực, Dương-Hải, Phạm khánh Dung mừng vua Tàu lên ngôi, Lê Vinh, Phạm-Cư, Trần văn Thân tạ việc cho tơ hạ ». (*Việt sử cương mục*, quyển 19 tờ 27 b).

3. — Dương tôn - Hải (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 8 a, và *Việt sử cương mục*, q. 19, tờ 27 b,) chép là Dương Hải, *Việt sử cương mục* lại chua nhầm là đỗ tiến-sĩ khoa mậu thìn năm 1448, người xã Mi sơn huyện Thủy-đường; ngụ ở Ninh sơn Ninh-giang, Đông ngàn. Nguyên tên là Mỗi (*Đăng khoa bị khảo* viết là Cao,) vua Lê nhân-Tôn 1442-1459 đổi tên cho là Hải. Năm Quang thuận giáp thân 1464 làm phó sứ sang nhà Minh (xem số 2, trên kia, truyện ông Phạm bá Khuê); khi đi sứ về, thăng thiêm đô ngự sử. Năm đinh hợi 1467 thăng đô cấp-sự-trung, quyền thượng-bảo tự-khanh. Cùng với tả thừa là Khiêp nhân Thọ dạy Mã quân đọc sách (*Đăng khao bị khảo*, Hải dương, tờ 93 a).

4. — Nguyễn-Từ, người xã Sơn-đông, huyện Lập-thạch, đỗ năm hai mươi nhăm tuổi, làm quan đến thiêm đô ngự-sử (*Đăng khoa bị khảo*, thu tập thượng, tờ 54 b.)

5. — Nguyễn-Phực, người xã Đoạn - tùng (Đoạn lâm,) huyện Gia lộc Trường tân, phủ Hạ hồng. Lúc vua Lê Thánh-Tôn (1460-1497) chưa lên ngôi, ông làm tiềm long thần, nghĩa là làm bầy tôi tự lúc vua chưa lên ngôi, còn ở nhà «phiên-đề». Năm Quang thuận canh thìn 1473 làm phó sứ sang nhà Minh, lúc về làm tham-nghị chính sự. Coi điện thí khoa quí mùi 1466 mùa hạ, thiên làm thừa tuyên tham-chính ở Thanh hoa, kiêm vương-phó, rồi đổi làm cẩm-y vệ đô chỉ huy sứ (*Đăng khoa bị khảo*, Hải dương, tờ 35 b) Năm Hồng đức tân mão 1471, vua Thánh tôn đi đánh chiêm-thành, lấy ông làm đốc lương, gặp gió sai hẹn xin cam chịu phép quên, sau phong làm phớc thần, có miếu thờ ở cửa bể Đà-nẵng. Sinh ra Nguyễn Đạm, phu tử đăng khoa (*Đăng khoa lục*, q. 1, tờ 8 b.)

Còn nữa

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Các bạn cầu may !

bỏ 1 đồng

mua vé số

Đông - Pháp

biết đâu không trúng số độc đắc 10 vạn

NHÌN QUA VĂN HỌC VIỆT NAM NĂM 1941

Số 5

LÊ-THANH

Việc làng báo

Vì giá các vật-liệu cao, nhân-công đắt, thêm vào đấy nhiều nguyên-nhân khác, một số nhật, tuần báo phải đình-bản, gieo sự tẻ-lạnh trong làng ngôn-luận ở xứ ta.

Một tờ báo cổ nhất của Bắc-kỳ hình như vì « lẽ kinh-tế » cũng đình-bản để nhường chỗ cho những tờ báo trẻ hơn.

« Nó « nghỉ » tháng Avril sau khi xuất-đản 7.265 số. Có thể gọi là một ngày lịch-sử, ngày ta không thấy cái tờ báo già-nua ấy nữa. Tờ báo già-nua không còn làm vui lòng được mọi người nhưng đã có một thời oanh-liệt đằng-đẵng non ba mươi năm.

Ra đời vào năm 1913 do ông Schneider sáng-lập, T. B. T. V. ra mỗi tuần ba kỳ trú-trọng về phần nghị-luận và văn-chương nhiều hơn là tin-tức. Nó có cái giá-trị rõ-rệt về việc hướng-dẫn quốc-dân hơn là những tờ báo có giá-trị bây giờ.

Kể từ năm 1914, có cuộc Pháp Đức chiến-tranh, nó giữ cái trách-nhiệm làm cho chính-phủ hiểu dân mình và trái lại dân mình hiểu chính-phủ.

Năm 1915 ông Nguyễn Văn-Vĩnh ra đứng chủ-trương bộ biên-tập gồm có các ông : Phạm Duy-Tốn, Phan Kế-Bính, Phạm Huy-Lục, Dương Bá-Trạc, Trần Văn-Quang, Nguyễn Văn-Luận, Nguyễn-Sĩ-giác, Nguyễn Đỗ-Mục, Dực-Văn, Dương Phương-Dực (1)...

Năm 1918, ông Nguyễn Văn-Vĩnh đứng giám-đốc, ông Phạm Huy-Lục chủ-bút, ông Nguyễn Văn-Luận quản-lý, cho xuất bản hàng ngày.

Từ năm ấy Bắc-hà ta mới mới có tờ nhật-báo đầu tiên viết bằng quốc-văn.

Năm 1934, ông Nuyễn Văn-Vĩnh hoàn-toàn nhường lại tờ báo thân-yêu cho ông Nguyễn Văn-Luận để ông Luận giữ cho đến ngày cuối cùng của nó.

●

Ngoài ra chúng ta còn phải ghi ngày 15 tháng tư năm vừa qua, Nguyễn Văn-Của tiên-sinh trong Nam-kỳ tạ-thế.

Tiên-sinh là một bực kỳ-cựu trong làng báo ta. Trong non nửa thế-kỷ tiên-sinh đứng chủ-trương tờ *Lục-tỉnh tân-văn*, một tờ báo cổ nhất của Đông-dương.

Tôi còn nhớ khi ở trong Nam, đã có lần được hân-hạnh gặp tiên-sinh tại tòa nhà riêng đồ-xộ trước nhà thờ lớn Saigon. Với giọng nói hiền-từ nhưng nhiều quả-quyết, tiên-sinh đem tất cả kinh-nghiệm đã thâu-lượm được trong nghề mà khuyến-khích tôi.

« Khó lắm thay, nghề làm báo !...» tiên-sinh kết-luận...

Mấy tháng sau, ngày 26 tháng 9 ta, ngoài Bắc, Đông-Châu Nguyễn Hữu-Tiến tiên-sinh qua đời, hưởng thọ 67 tuổi.

Tiên-sinh đỗ tú-tài, người làng Đông-ngạc, huyện Từ-liêm, phủ Hoài-đức, tỉnh Hà-đông.

Năm 1917 báo *Nam-phong* ra đời, tiên-sinh giúp việc biên-tập. Phần-nhiều tiên-sinh chuyên về việc dịch-thuật, mục đích truyền-bá tư-tưởng Á-đông.

Những bài như *Lược-ký về lịch-sử nước Tàu*, *Văn học sử nước Tàu*, *Lịch sử luân-lý học nước Tàu*, *Học thuyết tư-tưởng nước Tàu*, đang trong *Nam-Phong*, nay các bạn trẻ ta lục ra đọc còn lĩnh-hội được nhiều về văn-chương và tư-tưởng.

Tiên-sinh đã cùng ông Tùng-Vân Nguyễn Đôn-Phục cộng-tác trong hai dịch-phẩm : *Mạnh-tử quốc-văn giải thích* và *Luận-ngữ quốc-văn giải thích*, hai quyển sách mà bây giờ người ta mới nhận thấy chân giá-trị. (Xin coi lại bài *nhà văn Đông-châu mới ta thế* trong Tri-Tân số 24, trang 12, 13, 16).

Thế là trong một năm nay Nguyễn văn-Của tiên-sinh và Nguyễn-hữu-Tiến tiên-sinh đã bước vào quá vãng, sau bao nhiêu năm tận-tụy để bồi đắp cho nền văn-chương, tư-tưởng nước nhà.

Lấy tư-cách là kẻ đã được hưởng ít nhiều di-nghiệp của các tiên-sinh, tôi xin nghiêng mình kính-cẩn tưởng-niệm trong dịp này. (2)

Kết luận

Chúng tôi vừa đem trình-bày những tài-liệu nhặt được một cách vội-vàng. Giữa lúc chúng tôi viết những giòng này, nhiều sách chúng tôi chưa đọc kịp, nhiều truyện chưa chép đủ, những bản thống-kê chưa lập xong. Chắc còn có nhiều điều rất đáng chú ý mà chúng tôi bỏ sót,

Tuy vậy chúng tôi thiết tưởng, với bấy nhiêu đã có thể có được một khái-niệm không sai-lạc lắm về văn-học Việt-nam năm vừa qua.

Một nhà viết sử sau này, nhìn từ đầu thế-kỷ thứ hai mươi đến nay và từ nay về sau, sẽ nhận thấy ở những năm 1940-41 một đoạn đường quành rõ-rệt, ít nhất là đoạn đầu của một đường quành.

Bắt đầu từ khoảng 1925 ta đã quá nô-lệ tư-tưởng lãng-mạn Pháp. Tóm-tắt, văn-chương ta có thể gọi là một thiên tình-sử đẫm lệ, trong ấy nhân-vật hoàn-toàn khuất-phục dưới sự hướng-dẫn của hoàn-cảnh-nhu-cầm :

Qua 1930 trở đi, chủ-nghĩa lãng mạn vẫn chiếm một địa-vị quan-trọng nhưng với một hình-thức khác : đang ở trạng-thái thụ-động chuyển sang trạng thái tự-động. Người yêu không chịu chỉ ngồi khóc mối tình trắc-trở, hắn khóc-than, hắn phân-tích nỗi đau-thương, và đồng thời hắn phấn-đấu để chiếm lấy hoàn-toàn cái phần sống về hắn.

(Tiếp theo trang 15)

MỘT BÀI THƠ CỔ VỀ BÀ TRƯNG

(Đoạn cuối)

Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

XVIII. — Định giận giục ngựa xông ra,
Nang đem hoàng-việt binh hòa chia đôi.
Một mình Tô-Định chịu hai,
Xung nam đột bắc, thế coi anh-hùng.
Hăm-hăm tả đột hữu xung,
Chém Tô giữa trận như rồng cuốn mây.
Quân Ngô mất vía chạy ngay,
Định bèn táng đảm, mình rày tháo ra (1).
Đem binh về giữ dinh nhà,
Chị em Trưng-Trắc bấy giờ đuổi theo.
Nàng gan đương trận cố liều,
Khua thằng Tô-Định như bèo gió đưa.
Đốt tan lũy-ải doanh-cơ,
Ngô-binh thế túng như cờ mất xe.
Bèn cùng nàng, giáp can qua,
Nàng giơ hoàng-việt, chém pha một hồi (2).
Thế bằng hùm đói tranh mồi,
Chưa ăn đã hết, nào ai lập nhìn?
Cầm đầu Tô-Định giơ lên,
Ngô-binh nhìn thấy bỗng liền đảo qua.
Nhường hươu mở lưới chạy pha,
Mình còn ở Việt, hồn đã về Ngô.
Ngẫm nhời đàn trẻ ca xưa:
« Giời mưa nước chảy », đoài là phương tây.
Thượng-lưu được thế chảy ngay,
« Cỏ lên đè lúa cả rày » thác hư.
Chữ « Tô »: « thảo » đầu, « hòa », « ngư ».
Ứng điềm Định thác bấy giờ lênh-đênh
XIX. — Trưng-binh vào đến Tô-dinh,
Chiêu an sĩ tốt, dỗ-dành quan quân.
Ai đâu ở đấy yên thân,
Đợi chờ xá sĩ, dời chân về nhà.
Ta thời ở giữ nước ta,
Người Ngô cho nó về nhà nước Ngô.
Bao nhiêu sĩ tốt ngày xưa,
Phải Tô-Định hiếp, bây giờ được yên.
Truyền ra đứng cửa hiên-môn,
Ai nguyền phu-phụ, ai nguyền lại quê.
Dầu ai hết sức trợ thì,
Tòng quân ra chỉ nam nhi mặc mình.
Của Tô-Định tích để dành,
Phân chia thảy thảy, một manh chẳng hề.
Ơn đều trên dưới thỏa thuê,
Nàng bèn xa giá giở về Hát-môn.
XX. — Muôn dân từ đấy khỏi hèn,
Nẻo sông khỏi lội, đường non khỏi trèo
Quan quân cả bấy cùng đều
Tôn nàng làm chủ, xem triều Việt-bang.
Tôn hiệu xưng là Trưng-vương (3),
Thiết quan phân chức, sửa sang việc làm.
Tang chồng bèn mới tế đem,
Hoặc nhân có kẻ hỏi nàng (4) rằng « bi ».
« Li thời thương tiếc những bài,
« Sự phiền Thái Tổ vị nhời Hoài vương.
« Chửa chi đã vội đao thương,
« Di Tề hổ mặt, Vũ vương thẹn lòng ».
Vua rằng: « Chư tướng chẳng thông,
« Nếu binh quải hiếu thì lòng chẳng vui.
« Tự nhiên khi nhuê nên đồi,
« Sầu mà đã dậy, nó coi ra gì!
« Vậy bèn trang điểm phương phi,
« Nó quen lòng dục, nó thì nể nang.
« Cho nên binh nó trễ tràng,
« Thừa cơ ta mới phô phang anh hùng ».
Chư tướng ai nấy phục tòng,
Khen vua liệu địch Tô công phen tầy (5).
Nữ ngưu nên đứng cao tay,
Gái danh hào-kiệt, họa rày có hai.
Sức ra vực nước giúp đời,
Nghĩa chồng chưa vẹn, dân giời được ơn.
Quét thanh bụi bụi gio tàn,
Thu về thảy thảy giang sơn bản đồ.
Dạy từ canh tý làm vua,
Đến nhâm-dần kể thì vừa ba năm (6).
Thành ngoài dư sáu-mươi-nhăm,
Thu về một mối tay cầm lâng-lâng.
Mở thông nẻo bể đường rừng,
Trong không hươu đỗ, ngoài không cáo thành.
XXI. — Nói việc Tô-Định bại binh,
Giở về sau trước bày tình Hán-Quang.
Rằng : « Quan thứ-sử Nam-bang
« Là ngươi Tô-Định phải thương bỏ mình.
« Có hai con gái dậy binh,
« Giết quan, xưng hiệu, đặt mình làm vương. »
Quang-Vũ tức giận nhiều nhường,
Vật chi Giao-chỉ chút phương nốt ruồi.
Mà lại chẳng phải con giai,
Vả danh con gái xứng tài trượng-phu.
Bèn sai Mã-Viện bấy giờ,
Dư mười muôn lẻ binh hòa kíp sang.
XXII. — Nàng nghe Đông-Hán vua Quang
Tin gièm lòng chẳng chút thương chư hầu.
Nhật-trình quân cả kéo vào,
Được thua một trận thề nao sẽ hay.

Lên yên hoàng-việt cầm tay,
Ba quân ủng ủng hẹn ngày tiến binh.
Giáp nhau ở cõi Man-thành,
Phong-vân nổi trận, lôi-đình ra oai.
Ngất giời rợp bóng tinh kỳ,
Can qua lộn lạo thành tri chiến phong.
Nữ nam ra sức anh-hùng,
Bằng hùm tranh thịt, bằng rồng tranh châu.
Trưng-vương khôn khéo quá ư,
Khiến người bèn gượng cắm cờ cửa dinh.
« Thỉnh hàng » hai chữ rành-rành,
Mã-Viên xem thấy lui binh ra ngoài.
XXIII. — Trưng-vương khiến sứ đến nơi :
« Tướng quân có nhớ chữ Hoài-hầu chăng ? »
Mã-Viện bèn mới bảo rằng :
« Nhân sao mày cố hung-hăng tranh cường ? »
Sứ rằng : « Binh có phép thường,
« Xem khi động tĩnh mới nhường sức nhau.
« Vậy bèn khiến tôi sang hầu,
« Bắc nam bờ cõi ai đâu đấy làm.
« Định kỳ cống thuế cứ năm,
« Xưng thần triều cống, vào làm tôi Ngô. »
Viện bèn cắt cõi chia cho,
Man-thành lập lũy, đấy là Tư-minh.
Đồng-trụ cắm ở Man-thành,
Hán, Trưng hai nước dẫn binh cùng về (7).
XXIV. — Ai ngờ tạo-hóa đến kỳ ?
Tiên-hồn lại nhớ tiên-vì thiên-gia.
Chị em nhuốm bệnh yên hà,
Nửa đêm bỏ đất, lối ra lên giời.
Trong ngoài tướng-tá ngùi-ngùi,
Tiếc công mở đời hưởng nghiệp chưa lâu.
Chị em cùng chửa nối sau,
Bảo nhau lập miếu, cùng nhau phụng thờ.
Tiết cao sáng nửa giăng thu,
Trong như nước lọc, sạch như gương mài.
Ơn trên Thượng-đế xét-soi,
Vì chồng bả nghĩa, vì đời ra công.
Nước Nam hễ sái văn-cung,
Vua dự công-đồng, hành vũ hành vân.
Ngôi cao đệ nhất phúc-thần,
Đời đời huyết thực, dân dân phù trì.
XXV. — Dịp nhân có khách đi về,
Qua từ cảm cảnh, nên thơ bút bài :
« Vụ-tiên di chủng, xuất hồng-nhan.
« Dũng-lược kiêm tư, tuyệt thế-gian.
« Bán điểm ngân-trang, hào-khách-tụ,
« Nhất huy kim-thuẫn, Định binh tàn.
« Tam-kỳ giang-khẩu can qua tẩy,
« Bách-Việt phong-cương nhất đản hoàn.
« Công cái đương-thời nhân báo tự,
« Anh-linh trạch cập mãn giang-san. » (8)
Dễ xui lòng khách vãng lai,
Đọc thơ nên cảm, ngậm-ngùi đôi khi.
Từ vua yến-giá qua thì,
Chủ mà chẳng có, ai vì con thơ ?
Sẩy đàn tan nghé bơ-vơ,
Bạng khoe sức bạng, cò khoe sức cò.
Đời bèn lại thấy tri-thù,
Muôn dân lại phải nê-đồ khốn thay !

(Trích ở quyển *Thiên-nam ngữ-lục ngoại-kỷ*, sách viết bằng chữ nôm của Trường Bác-cổ, số AB 478, tờ 28 a - 30a.)

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ sao lục

---

1) Đoạn này cũng có nhiều câu điệp ý.

2) *Đại-Việt sử-ký tiền-biên* (quyển 3, tờ 4 b) và *Khâm-định Việt-sử thông-giám cương-mục* (q. 2, tờ 10 a) đều chép là Trưng-Trắc « cùng em gái là Trưng-Nhị khởi binh đánh hãm châu-trị (dinh thái-thú), Tô-Định phải chạy về Nam-hải. Quân hà rất hùng-dũng, đi đến đâu như gió lướt (sở chí phong mĩ), các man-lái quận Cửu-chân, Nhật-nam và Hợp-phố đều hưởng-ứng ».

3) *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (q 3, tờ 2 a) chép « vua húy Trắc, họ Trưng, vốn họ Lạc, là con gái Lac-tướng huyện Mê-linh, châu Phong » ; nhưng dưới lại chua rằng « *Cương-mục tập-lãm* chép họ Lạc là nhầm ».

4) Xuất vận.

5) *Đại-Việt sử-ký tiền-biên* (q. 3, tờ 4 b) chép rằng : « Xét dã-sử nói khi bà mới ra quân, chưa hết tang chồng mà bà trang-sức những đồ thịnh-phục ; các tướng hỏi bà, bà nói : Việc binh không ngại sự tòng quyền, nay nếu theo lễ mà hủy dung thì nhuệ-khí tự nhiên kém, cho nên ta thịnh-phục để phấn-khởi quân sắc ; vả lại kẻ kia trông thấy chắc là động tâm ; tâm đã động thì chí tranh-đấu phải trệ-nải, như thế thì ta dễ lấy phần được. » Quân đều phục là không nghĩ kịp ».

6) *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (q 3, tờ 2 a) cũng chép : « Trưng-vương ở ngôi ba năm, rất hùng-dũng, đuổi Tô-Định, dựng nước, xưng vương, nhưng vì là nữ-chủ, nên không thành được công tái-tạo. » *Đại-Việt sử-ký tiền-biên* (q 3, tờ 4 a) bàn thêm một câu rằng : « Trưng-vương là con gái, hô một tiếng mà đuổi được thái-thú người Tàu, như đuổi đứa nô-lệ, lấy lại đất Lĩnh-nam, dựng nước xưng vương, thật là người hào-kiệt trong nữ-lưu. Nhưng vì tài nhược, lại gặp vận nước mới bĩ, nên chẳng được lâu dài, đáng tiếc thay ! »

7) Việc này sử ta và sử tàu chép khác hẳn. Quyển *Hậu-Hán kỷ* q 7 tờ 8 a nói rằng : « Năm Kiến vũ 18 (năm 42 Tây lịch), mùa hạ, tháng tư Phục ba tướng-quân là Mã Viện, Phù lạc hầu là Lưu Long Lâu thuyền tướng quân là Đoàn Chí, Bình lạc hầu là Hàn vũ, đi đánh Giao chỉ. Đi đến Hợp phố thì Đoàn chí bị bệnh chết. Mã Viện định vượt bể vào Giao chỉ, nhưng thuyền nhỏ không đi nổi mới hỏi đường đi nửa : bấy giờ mới qua bể theo núi mở đường đi hơn một nghìn dặm, từ phía tây đến Lãng bạc đánh Trưng trắc Trưng nhị, đầu hàng vài nghìn người. Hàn vũ sau cũng bị bệnh chết. Mã viện đem quân đuổi theo Trưng trắc Trưng nhị đến Cấm khê, rồi phá được luôn, Trưng trắc Trưng nhị và các tướng vài trăm người chạy ».

8) Nghĩa là : nòi giống bà Vụ tiên sót lại sinh người hồng nhan dũng lược gồm đủ, hơn hẳn thế gian; đem nửa ngân trang (gia tài) thu nạp khách hào kiệt, mới giơ kim thuẫn (giáo vàng) mà quân Định đã thua, cửa sông Tam kỳ là nơi rửa giáo mác, bờ cõi Bách việt một mai lấy về ; công hơn đời bấy giờ, nên người ta thờ để báo đáp, anh linh ơn đức khắp non sông.

Bản đồ về đàn Nam giao

Chú-giải

1. Bình-phong phía nam.
2. Ngự lộ (đường để riêng vua đi).
3. Giáng liễu (chỗ vua xuống kiệu).
4. Cột đình-liệu.
5. Đình-liệu.
6. Chú tất.
7. Thần ngự lộ (đường để riêng các Thần giáng ngự).
8. Cột đình-liệu.
9. Hoàng - ốc — Ngoại hương-án.
10. Tàn, tán.
11. Liệu-lô — Mộc cấp (bậc bằng gỗ).
12. Tàn, tán.
13. Liện lô — Mộc cấp.
14. Liện lô — Mộc cấp.
15. Liện lô — Mộc cấp.
16, 18. Chúc kỷ (cái kỷ để văn tế).
17. Chấp-sự kỷ (những kỷ để đồ lễ).
19. Chấp-sự kỷ.
20. Nội hương-án.
21. Phúc-án.
22. Tiểu chú tất.
23. Huân-lô.

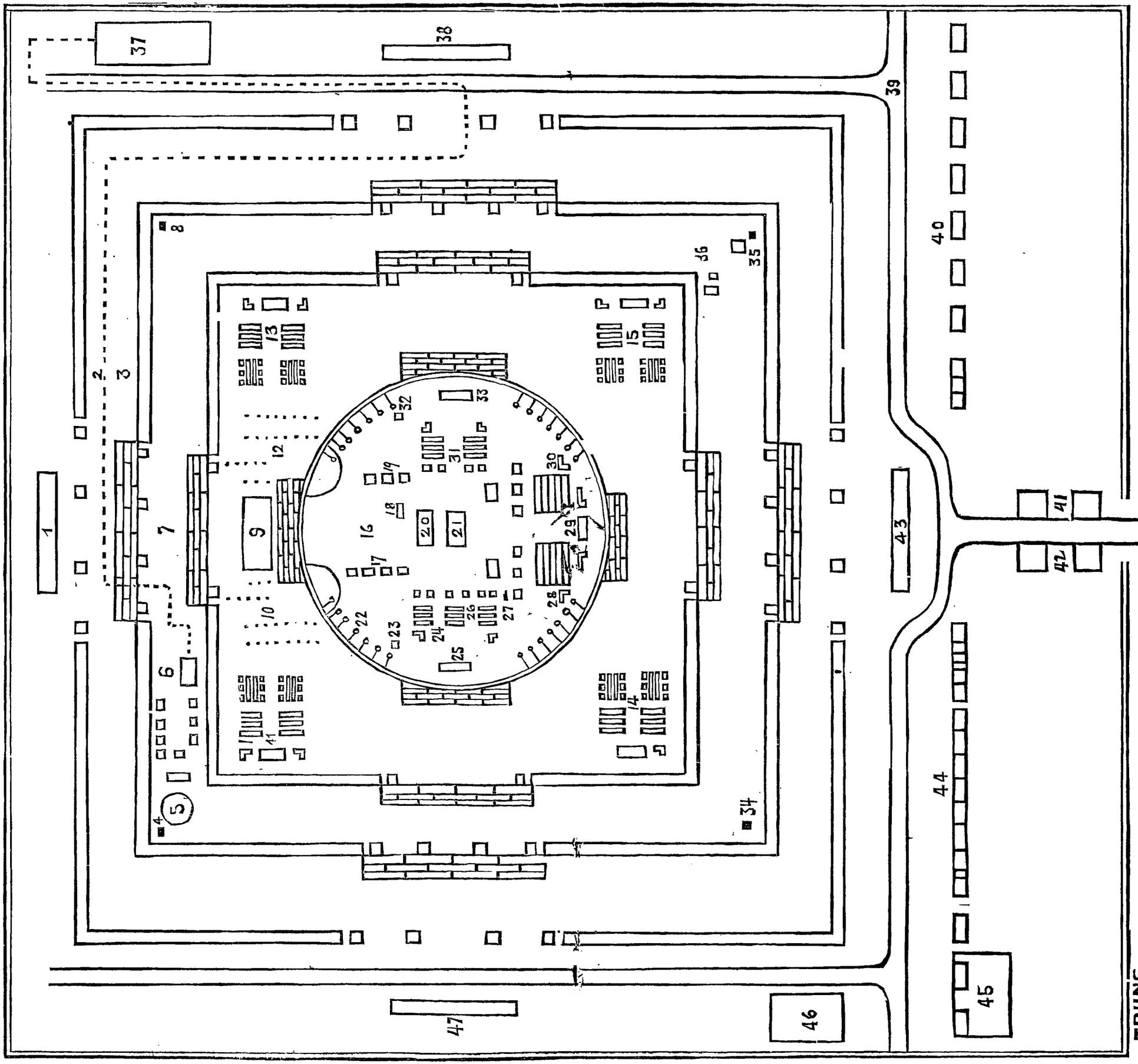

(*Xem Tri-Tân số trước*)

24. Mộc cấp — Chỗ để các đồ lễ.
25. Liệu-lô.
26. Mộc cấp — Chỗ để các đồ lễ.
27. Dự trở tịch (Chiếu).
28. Mộc cấp.
29. Liệu-lô.
30. Mộc cấp.
31. Chỗ để các đồ lễ.
32. Huân-lô.
33. Liệu-lô.
34. Cột đình-liệu
35. Cột đình liệu.
36. Chỗ để mao huyết (chỗ chôn lông và huyết các con sinh).
37. Trai-cung.
38. Bình-phong phía tây.
39. Ngự lộ.
40. Nhà tiếp khách — Nhà quan-cư.
41. Hương-án.
42. Hương-án.
43. Bình-phong phía bắc.
44. Nhà quan cư.
45. Thần khố (kho để các đồ tế-khí.)
46. Thần chù (bếp)
47) Bình-phong phía đông.

Thời-đàm

HẢI-ĐẢO SUMATRA

NHẬT-NHAM

SUMATRA là một hải-đảo được người Ấn-độ khai-hóa trước nhất tại miền Nam-dương quần đảo. Những di-tích trên các cù-lao Padang gần eo đất Malacca đủ chứng tỏ rằng xưa đã từng có một cường-quốc thành-lập vào hồi thế-kỷ thứ 7 trước Tây-lịch do công-trình vĩ-đại của người Ấn-độ.

Theo các giòng chữ khắc trên mặt các bia đá, thì hải-đảo Sumatra xưa đội tên là đệ-nhất Java. Trong toàn cõi Sumatra còn nhiều cổ-tự Ấn-độ in dấu tang-thương. Những cổ-tự này, về phần quan-trọng và bảo thủ, còn kém các cổ tự đảo Java, và hình như dựng từ thế kỷ thứ hai trước Tây lịch.

Do các di tích lại biết rằng đạo Phật và đạo Sivaisme được thổ dân tin theo trên khắp mặt đảo và ngôn ngữ dân chúng do đó thâu nhập được nhiều chữ Phạn của Phật giáo.

Bắt đầu từ thế kỷ thứ 13, người Hồi di cư đến Sumatra, truyền đạo giữa dân chúng, được nhiều người tin theo. Trong công-cuộc truyền giáo, người Hồi đặt một thứ tiếng thông dụng để thay cho những tiếng Phạn.

Một truyền thuyết rất buồn cười là những đảo trưởng xứ Ménangkabau tự xưng là dòng dõi Hoàng đế Alexandre Le Grand.

Người Bồ đào nha Diego Lopes-da Sequaira tìm được Sumatra vào năm 1508, rồi Chính-phủ Bồ-đào-nha lập nhiều căn cứ tại đó. Cuối thế-kỷ thứ 16, những căn cứ ấy bị người Hà-lan xâm-chiếm. Hồi đó, Bồ-đào-nha đã có một lực-lượng khá mạnh, vì từ niên hiệu vua Philippe đệ nhị, nước Bồ đào nha đã hợp nhất với nước Tây ban nha.

Năm 1664, người Hà lan lấy được Indrapura và đến năm 1666, chiếm đóng Padang.

Năm 1665, người Anh lập căn cứ tại Bencuben trên miền duyên hải phía nam. Từ đó, Hà lan và Anh xung đột cho mãi đến 1824. Năm ấy, đảo Sumatra hoàn toàn thuộc quyền bảo hộ Hà lan. Hà lan bằng lòng nhường cho Anh xứ Malacca để kết liễu cuộc chinh chiến.

Nhưng đến năm 1811, người Anh lại cướp đảo Sumatra của Hà lan. Qua năm 1816, Anh trả lại đảo này cho Hà lan. Tuy đảo Sumatra đã thuộc Hà-lan mà trong nhiều khu vực. Hà lan đã bị giảm hết thanh thế và quyền lực.

Năm 1821, Hà lan lập Chính phủ tại Palembang và năm 1825, tại Menankabau. Năm 1840, Hà lan bành trướng thế lực trên miền duyên hải phía tây cho tới Semkil.

Năm 1851, tại Palembang, có cuộc phiến loạn, sau lại dẹp yên.

Năm 1858, Hà lan phải đánh nhau với xứ Sambi. Đảo trưởng miền này bị truất ngôi. Chính phủ Hà lan ký hòa ước với người kế vị.

Năm 1860, xứ Redjang bị sáp nhập vào miền Palambang.

Trong hai năm 1863-1865, lại khởi cuộc binh đao.

Năm 1843, bắt đầu một cuộc chiến tranh rất dài giữa Chính phủ bảo hộ và xứ Atchin miền tây bắc hải đảo. Đảo trưởng xứ này tự xưng là dòng dõi các nhà truyền giáo đạo Hồi đầu tiên đến đất Sumatra.

Năm 1878, một quan chức được cử đến cai trị xứ Benculen rồi cấm chấp việc mãi nô đã từng có từ nghìn xưa. Từ 1883 đến 1894, người Hà lan bành trướng thế lực trên đảo Sumatra, trong khắp các miền hiểm trở.

Tuy có cuộc nội biến theo sau với các cuộc phiến loạn đã kể trên, nhưng lại bình ngay được.

Cho đến ngày nay, trong toàn cõi từ kẻ chợ cho mãi tới miền hiểm trở Battack và Jambis của dân mọi rợ, thanh thế người Hà lan vẫn được tôn trọng.

Hải đảo Sumatra là một thuộc địa rất phồn thịnh của Hà lan. Ruộng đất phì nhiêu đã sản xuất được nhiều ngũ cốc, thuốc lá, mía, cà phê, vân vân, xuất cảng ra ngoài. Nghề chăn nuôi cũng rất phát đạt.

Dưới đất lại còn nhiều mỏ dầu là một nguồn lợi to cho Chính phủ Hà lan.

Với 6 294 000 người, hải-đảo Sumatra có nhiều cơ-quan phòng thủ để tự-vệ. Quân đội bản-xứ là những quân tinh-nhuệ rất dũng cảm trong các cuộc chiến-đấu với quân địch.

8 Décembre 1941, Thái bình-dương nổi sóng ! Ngọn lửa chiến tranh ngày càng lan rộng. Sumatra, cũng như các miền lân-cận, không thể đứng yên ngoài vòng khói-lửa.

Cùng với cuộc tấn-công vào đảo Java, quân Nhật công-kích các nơi xung-yếu trên đảo Sumatra. Quân Nhật tiến từ Palembang, thủ-đô đảo Sumatra về phía tây-bắc; hôm 28 Février 1942, đã hiếm được thành-phố Muartcebo cách Palembang 305 cây số, về phía tây sau một cuộc huyết-chiến với 500 quân Hà-lan.

Ngày 5 Mars 1942, quân Nhật lại tiến rộng thêm tại miền nam đảo Sumatra, không gặp một phản-động-lực gì của quân địch. Các mỏ dầu hỏa miền này đều bị quân Nhật chiếm ngay. Trong các số mỏ dầu ấy có giếng dầu miền Palembang và Labat là quan trọng hơn cả.

Quân Nhật mỗi ngày một tiến, chẳng bao lâu chiếm được hết các miền hiểm-trở trên đảo Sumatra.

Ngày 19 Mars 1942, theo tin-tức tại mặt trận Sumatra, quân Nhật đã chiếm xong đảo Sumatra và tổ-chức việc cai-trị trong đảo. Công-việc tổ-chức được nhiều phần dễ dàng, vì các viên tỉnh-trưởng ai nấy đều ở lại giữ tỉnh của mình, không hề phải bỏ chạy trước sức tiến công của bên địch.

Một phần giếng dầu trên đảo bị quân Hà-lan phá hủy, song còn nhiều mỏ dầu nguyên vẹn, vì trước đây, Chính-phủ Nam-dương quần-đảo đã ra lệnh cho quân-đội, chỉ trừ khi nào cấp-bách quá mới được phá các giếng dầu. Sau quân Nhật tiến nhanh một cách bất ngờ, nên quân Hà-lan không còn đủ thì-giờ phá-hủy các giếng dầu như đã định trước.

Thế là theo sau Java, đến lượt Sumatra bị quân Nhật chiếm đóng.

Nhật lấy được hai hải-đảo Java và Sumatra, là hai kho dầu vô-tận miền Nam-dương, càng tăng thêm lực-lượng để mưu nhiều cuộc tấn-công khác.

NHẬT-NHAM

Nhìn qua văn học

(Tiếp theo trang 9)

Chủ nghĩa cá nhân được tự do phát triển.

Đến 1937-38, lại một bình thể lãng mạn mới. Nhà văn rồi đến cả độc giả đua nhau làm nghệ sĩ, nghĩa là theo quan niệm của họ những người hư hỏng trong tâm-hồn và ở đời sống. Văn chương chỉ có mục đích gieo sự hỗn loạn, khuyến khích sự phá hoại «phá hoại gia đình mà nó làm đứt hoặc rã rời giây liên lạc, phá hoại sự cần lao mà nó phản đối bằng cách hô-hào quyền lười biếng phá hoại tổ-quốc mà nó lung lạc sự đoàn kết khi nó không làm tiêu tán sự thống nhất».

Giá không có sự thay đổi lớn lao chắc có lẽ thứ văn chương phóng đãng kia sẽ đưa xã hội ta đến chỗ mục nát hoàn toàn.

Từ năm 1939 cuộc thế giới chiến-tranh mở đầu. Tiếng súng nổ, nhà văn ta đương miên man trong cuộc sống trụy lạc nhồm dậy trông thấy cái nguy cơ của sự lười biếng sự ích kỷ nhận rõ cái trách nhiệm thiêng liêng của mình.

Họ đứng dậy rũ áo tìm cách đoạn tuyệt với cái quá khứ nặng nề của họ. Bây giờ là thời đại của lịch sử của sự sống còn, của sự chiến đấu. Họ dự bị bắt tay vào việc.

Tuy ngày nay ta chưa được thấy một cách rõ rệt quả sự hành-động của họ ta có thể chắc chắn rằng trong trí họ vừa có một cuộc cách mệnh lớn lao họ đã dàn xếp một chương trình mỗi người theo một con đường để giúp ích cho mình cho nhà cho nước để kiến thiết một xã hội mới trong ấy cần lao và danh dự là nền tảng.

Trong khi chúng tôi viết những giòng này, những chiếc lá cuối cùng của năm chờ rụng, chờ rụng theo những ngày cuối cùng của năm gần hết.

Rồi đây giữa một đêm ba mươi, xung quanh tôi trong khi người ta rộn ràng mở cửa, cái xuân mới tượng trưng một cuộc đời hứa hẹn, chúng tôi cũng sẽ mở cửa để được cảm động chờ đón cái lớp nhà văn đến với một tâm-hồn đổi mới để gửi vào họ đóa hoa hi vọng tươi đẹp của đầu năm (3)

Và chúng tôi chắc rằng chúng tôi không chờ một ảo-mộng.

(Hết)

LÊ-THANH

---

1) Ông Dương Phượng-Dực, một nhân-viên trọng-yếu, đã theo tờ báo T. B. T. V. đến số cuối cùng. Chính ông đã cho chúng tôi những tài-liệu để viết đoạn này. Chúng tôi xin có lời thành-thực cảm ơn ông.

2) Chúng tôi mới được tin rằng thi-sĩ Lê-Bái tức Y. Leiba. Thanh tùng-Tử đã qua đời ngày 19 12 1941. chúng tôi sẽ nói đến thi sĩ trẻ tuổi ấy một cách đầy-đủ khi viết tập này thành sách L. T.

3) Bài này ông L. T viết từ trước tết

Tin vắn hằng tuần

QUỐC-TẾ

Tướng Mỹ Mac Arthur khó mà giữ được Úc, vì đường tiếp tế từ Mỹ sang Úc rất xa, dọc đường tất bị hải-quân Nhật đón đánh, và đất Úc rất rộng, tướng đó chưa am tường địa-thế như ở Phi-luật-tân, mà có tới 20 vạn quân Úc hiện vẫn còn ở ngoại-quốc.

Quân Nhật chiếm đảo Buka ở quần đảo Salomon của Anh.

Quân Tàu ở Diến-điện phản công, nhưng bị quân Nhật đánh lui.

Quân Mỹ ở Phi-luật-tân không hàng, nên pháo-binh Nhật đã đánh kịch liệt.

Có tin Anh định tấn-công qua bể Manche để lập một mặt trận thứ hai đánh Đức.

Tây-ban-nha đòi Gibraltar.

Danh-tướng Đức là Von Rundstedt lại ra cầm quân để điều-khiển cuộc tấn-công mùa xuân này. Tướng Von Bock sẽ đánh vào miền Caucase ?

Mặt trận Bắc-Phi lại hoạt-động.

Tướng Nhật hạ tối hậu thư bảo quân đội Mỹ ở Phi-luật-tân phải hàng, song tướng Mỹ ở Phi-luật-tân vẫn chưa trả lời. Đại bác Nhật lại nã rất dữ vào các phòng-tuyến cuối cùng của Mỹ ở bán đảo Bataan.

Nhật tổ chức lại việc cai trị ở Nam dương quần đảo.

Bên Nhật mở cuộc tập phòng không trong 5 ngày.

Hình như Đức sắp tấn công cả vào Nga lẫn Ai cập và Cận đông.

Ở Nga, hai bên vẫn kịch chiến ở Staraja Roussa, trên con đường Vlazma — Smolensk và ở bán đảo Crimée. Hung đem quân phòng thủ ở biên thùy Lỗ, nhưng Đức Ý sẽ can thiệp, không để cho Lỗ Hung xung đột.

ĐÔNG-DƯƠNG

Đạo luật của Thống chế Pétain ký ngày 21 janvier 1942 định rằng nếu ai lấy, xé đi hay hủy các yết thị của Chính phủ hay của những cơ-quan nào làm việc đồng ý với Chính-phủ về một việc có ích-lợi cho quốc-gia, sẽ bị phạt tù từ 3 tháng đến 2 năm và phạt tiền từ 200 quan đến 1000 quan. Ai làm việc gì hoặc cá-nhân hay đoàn-thể có tính-cách chống lại quốc-dân Pháp hay Chính-phủ Pháp cũng sẽ bị phạt như trên. Đạo luật này đã được quan Toàn-quyền ban hành tại Đông-dương.

Chính-phủ không buộc các công chức phải tập thể-thao nhưng khi nào các công chức ngần ngại trước sự tập thể-thao, thì sẽ phải bắt luyện tập.

Sân vận-động ở Hanoi sẽ lập tại khu đất đầu đường Cổ-ngư, trước bót Yên-phụ.

Pháp-quốc công-báo vừa đăng bản sắc lệnh ngày 14 mars 1942 cho hưởng quyền gia hạn thuê nhà nói ở trong sắc lệnh kỳ hôm 15 novembre 1939 về thể lệ thuê nhà ở Đông-dương.

Theo sắc lệnh này trừ những cớ chính đáng chủ nhà có thể lấy lại nhà, những người thuê nhà, những người thuê chung nhà, những người thuê lại nhà và tất cả những người đang ở nhà thuê vẫn trả tiền nhà sòng phẳng, mặc dầu đã có giấy báo trước phải dọn đi, có quyền vẫn được ở lại nhà thuê cho đến ngày sau này có sắc-lệnh khác định rõ miễn là người thuê nhà phải chính mình ở nhà thuê hay những người thường ở với mình ở nhà ấy ngay ngày công bố bản xắc lệnh này.

Hôm 11 mars 1942, quan Toàn quyền Decoux đã ký nghị định cho lập tại Đông dương một đoàn « dân binh », Garde civique.

Đoàn « dân binh » này thuộc quyền quan thủ hiến hàng xứ và có hội cựu chiến binh với các người tình nguyện giúp vào cuộc cách mệnh quốc gia giúp sức,

Các quan thủ hiến các xứ dùng đoàn dân binh để bảo vệ dân chúng Sẽ lập từng tiểu đội, từng đội và liên đội.

Quan thủ hiến hàng xứ đồng ý với các nhà cầm binh quyền có thể lập kho chứa khí giới để cho dân binh dùng trong việc bảo an.

Sẽ có một phòng thường trực của dân binh mỗi xứ lập tại hội quán cựu chiến binh.

Các số chi tiêu về việc bảo an thì do quỹ hàng xứ, hàng tỉnh hay hàng xã chịu, sẽ do quan thủ hiến trong xứ quyết định.

Ba ngày « vật » rất long-trọng ở Bạch Mai

Những hôm 26-27 và chủ nhật 29 Mars 1942 có rất nhiều tay đô vật danh tiếng khắp Bắc-kỳ về tranh giải. Một cuộc mua vui đầy tinh thần thượng võ, bỏ qua rất uổng.

Sách mới

Tri-Tân đã nhận được của nhà Nhật-nam thư-xã Hanoi :

1) *Hùng-vương diễn-nghĩa* (lịch-sử tiểu-thuyết) về đời họ Hồng bàng. Soạn giả là ông Trúc khê, dày gần 100 trang, giá 0 p 50.

2) *Vua-bà Triệu-Au* (lịch sử tiểu-thuyết) của ông Nguyễn tử Siêu. Sách dày 224 trang, giá 0 p 50

3) *Hai bà đánh giặc* (lịch sử tiểu-thuyết) của ông Nguyễn tử Siêu dày 384 trang, giá 0 p 80

Trong hai truyện trên soạn-giả đã dùng lịch sử về hai bà Trưng và bà Triệu mà viết thành tiểu thuyết rất vui. Khi xem, ta thấy như sống lại trong cái thời đại oanh-liệt của các vị nữ kiệt nước Nam.

Xin thành thực cảm ơn và vui lòng giới-thiệu cùng độc-giả.

ÔNG VÕ HUY-TẤN

Số 4

HOA-BẰNG

TRONG ba bài trước, tôi đã phác sơ mấy nét về tiểu-sử và văn-chương của Võ Huy-Tấn. Chắc, nhân đó, các bạn cũng có thể biết qua được một nhà văn-học kiêm ngoại-giao dưới triều Quang-trung (1788-1792).

Như các bạn đã thấy trong bài thứ ba, tác-giả *Hoa trình tùy-bộ tập* tỏ ra là một thiên - tài sớm nảy-nở, văn-chương uẩn-súc và có tài mẫn-tiệp trong khi hạ bút viết văn hay ứng khẩu làm thơ.

Dùng làm lời phê-bình, tôi xin dẫn hai chuyện sau này của Võ để hiến các bạn đọc :

Trong khi đi sứ Tàu, một hôm, ngồi trong công-quán, nhân thấy trong sổ mà tên châu lại-mục nhà Thanh kê-khai đồ cống có viết hai chữ « di quan » (quan mọi), Võ vì trọng quốc-thể, không sao nén nổi nỗi bất-bình, bèn phản-kháng cái lối khinh-miệt người mình ấy bằng cách viết luôn bài thơ bốn câu ba vần sau đây vào cuối cuốn sổ mà đưa cho tên lại-mục xem để dạy cho hắn một bài học lễ-độ :

« Di » tự tòng «cung» hựu đới «qua».
Ngô bang văn hiến tự Trung-hoa.
Thần kinh khâm tứ An-nam quốc,
Thử tự thư lai bất diệc ngoa ?

戈 帶 又 弓 從 字 夷
革 中 似 獻 文 邦 吾
國 南 安 賜 欽 經 別
訛 亦 不 來 書 字 此

Nghĩa

Chữ «di» là do «cung» và «qua» hợp lại mà thành.

Nước Nam ta, về mặt văn chương và người hiền, cũng giống như nước Trung-hoa.

Huống chi, từ xưa đã được nhà Tống (1) *gọi là nước An-nam rồi.*

Thế thì chú viết chữ «di» này chẳng cũng ngoa lắm sao ?

Với bài thơ này, Võ phản-đối người Tàu một cách rất khôn-khéo : vừa giữ được quốc-thể, vừa không đẩy cuộc ngoại - giao đến bước quyết-liệt. Tài-tình nhất là câu đầu, vì tác-giả đã khéo giải-thích chữ « di » theo lối chiết tự, nảy được cái ý bóng-bảy rằng : các chú đừng ngạo-mạn, lên mặt ta đây là « trung-hạ » mà coi khinh chúng tôi là « di » (mọi) đâu. Này, bảo thật cho các chú biết : nước chúng tôi sẵn-sàng cung kiếm và can qua lắm, mà chính thật, với những cái « cung » ấy, cái « qua » ấy, chúng tôi đã quét sạch 20 vạn quân Thanh giữa năm Kỷ-dậu (1789), khiến cho bọn Tôn Sĩ-Nghị nheo-nhóc trốn về, không còn mảnh giáp !

Bài thơ này tỏ ra tác - giả lanh trí, « trả miếng » sát-sạt ngay vào mặt người Thanh dám coi khinh mình. Nhưng về mặt văn-chương, nó không đem lại cho ta được cái gì xuất sắc.

Sau khi đã nhận biết được cái hay của Võ qua mấy bài thơ rồi, ta cũng không nên bỏ qua cái sở-đoản của nhà danh thần đời Tây-sơn ấy.

Cứ theo phả-ký của họ Võ, thì Huy-Tấn là dòng-dõi Võ Hồn, người Tàu. Nhưng từ tổ-tiên đời xưa sang Nam cư-trú, đến Tấn đã 800 năm rồi, nghĩa là đến Tấn đã là người Nam trăm phần trăm, thế mà Tấn còn cho sự thuộc dòng-dõi Trung-hoa đó là một vinh-dự, nên trong bài thơ *để quạt tặng Trần tổng - binh*, Tấn có mấy câu phô phang này :

Ngô tiên Phúc-kiến nhân,
Lai Nam bát bách xuân.
Lưu khương thực sinh ngã,
Lũy diệp thiêm quan thân.
Tộc-phả cửu thả viễn,
Toại dĩ bất tương văn...v.v.

Nghĩa

Tổ-tiên tôi là người Phúc-kiến,
Sang nước Nam đến nay đã tám trăm năm.
Nhờ phúc nhà, tôi sinh ra. Chứa chất đời ấy qua đời khác, những bậc quan thân thêm nhiều mãi ra.
Vì phả ký trong họ đã lâu và xa,
Nên nỗi hai bên không nghe biết nhau, vân vân.

Nay đọc hết mấy câu đó, chắc các bạn cũng như tôi, có một cảm-tưởng không đẹp đối với tác-giả, hình như thấy rằng tác-giả phải nhận họ như thế thì mới danh-giá!

NÓI THÊM

Trong bài thứ nhất, tôi đã nói qua tiểu-sử Võ Huy Tấn, tác-giả Hoa-trình tùy bộ tập rồi. Nay xin trở lại điểm ấy cho được kỹ càng hơn.

Võ Huy-Tấn còn có tên khác là Liễn (2), hiệu Nhất-Thủy, là con của Võ Huy-Bình, hiệu Di-hiên, tiến-sĩ, Lễ-bộ tả-thị-lang, bồi-tụng đời Lê Trung-Hưng.

Võ Huy-Tấn là người lanh-lẹn, tinh-anh, thông-minh sớm. Hồi 20 tuổi, đỗ giải-nguyên khoa mậu-tí năm Cảnh-hưng thứ hai mươi chín (1768) đời vua Lê Hiển-tông (1740-1786), làm thị-nội văn chức.

Năm kỷ-dậu (1789), vua Quang-Trung phá tan giặc Thanh, xếp đặt việc nội-trị, tìm người làm việc ngoại-giao để tu hiếu với Mãn-thanh, mong tạm dập tắt ngọn lửa binh-tranh để nhân dân được yên nghỉ.

Như trước đã nói, Võ không thể từ-tạ được, nên vâng lời cha là Di-hiên, phải đáp theo tiếng gọi

của vua Quang-Trung, dâng mình phụng-sự tổ-quốc.

Ban đầu, được vua Quang-trung bổ chức Hàn-lâm đãi-chế, phong tước bá. Võ đóng vai phó-sứ, sang giao-thiệp với nhà Thanh. Những thơ văn của Võ thù-ứng với người Tàu rất được vua Càn-long và giới tri-thức Mãn-thanh khen tặng.

Chuyến sau, Võ được đeo hàm Công bộ thượng-thư mà đi sứ Tàu lần nữa. Cho nên bấy giờ người Thanh là Cát-thủy Phi Ứng-Thằng họa bài *Đề Đằng-vương các* của Võ, có câu :

«*Công-bộ văn-chương trùng kiến nhật,*
« *Diêm-công đài-tạ bội huy thu.* »

Hai chữ «Công-bộ» chính là chỉ về chức quan của Võ hồi đó.

Việc ngoại-giao thành công. Kết-quả đẹp ấy đưa hai nước Việt, Thanh vào con đường giao-hảo thân-thiện, xếp can qua lại một xó mà nói chuyện với nhau bằng ngọc, lụa, áo xiêm.

Vì có công ấy, Võ được liệt vào hàng *dực vận công thần*, cùng với Thanh (3) - phái - hầu Ngô Thời-Nhậm và Thụy - nham - hầu Phan-Huy-Ích cùng chuyên giữ công-việc từ-lệnh về mặt bang-giao, và chia phiên nhau vào kinh Phủ-xuân mà triều-cận.

Năm Ất-mão (1795), Võ được đặc-cách tiến lên thượng-trụ quốc thị-trung đãi - chiếu thượng-thư. Bấy giờ vua Quang-Trung đã băng, vua Cảnh - thịnh (1793 - 1800) (4) đang trị vì.

Năm 52 tuổi, Võ mắc bịnh, rồi mất ở Bắc-thành, được nhà Tây-sơn cho người hộ tang đem về táng tại đồng làng, tức là làng Trầm ở Hải-dương bây giờ.

Võ là một tay học rộng, thơ nhanh, lại gồm tính cả nhâm độn, đã từng nhiều phen bày mưu ở nơi chướng hồ và thảo hịch ở trên mình voi, liệu trước nhiều việc rất đúng.

Để tỏ tình tri - ngộ giữa mình và vua Quang-trung, Võ có mấy câu thơ *kỷ sự* rằng :

Thi nip thảo hoàn đa ứng chế,
Hành chù tứ bão hựu thiêm trà.
Văn-chương lũ phụng luân âm tưởng ;
Mi mãn thân thừa ngự thủ thoa.
Cảnh hữu nhất ban kham họa xứ :
Liễn đồ, liên tượng, tiếp quang-hoa.

Dịch

Thơ thảo phần nhiều làm ứng chế;
Ăn no lại được thưởng thêm chè.
Văn hay, lời thánh thường khen-ngợi ;
Râu tốt, tay vua vẫn vuốt-ve.
Lại có chuyện này nên tả-vẽ :
Liền voi, rạng vẻ lúc đi, về...

Hết HOA-BẰNG

1) Đời vua Lý Anh-tông (1138-1175) nhà Tống đổi Giao-chỉ quận làm An-nam quốc.

2) Trong gia-phả họ Võ thì viết tên là Liễn, nhưng trong *Đại-Nam chính biên liệt truyện sơ tập* quyển 30, tờ 37 b chép là Tấn. Ý chừng khi ra làm với triều Quang-trung, Võ đổi tên là Tấn, nên sau Sử-quán cứ theo đó mà chép là Võ Huy-Tấn chăng.

3) Có bản chép là Tình-phái hầu.

4) Qua năm 1801, đổi niên hiệu là Bảo-hưng thì nhà Tây-sơn mất.

Nữ anh hùng cứu quốc

Trong hồi chiến tranh một trăm năm (Guerre de cent ans) quân Anh sang chiếm đóng nước Pháp tàn sát những dân cư đã làm cho một cô con gái làng *Domermg-la-Pucelle* nổi lòng công phẫn, dựng cờ nương tử, chống với quân thù và đem lại ngai vàng cho vua *Charle VII*, vị nữ anh hùng ấy là bà Jeanne d'Arc mà hằng năm nước Pháp vẫn kỷ niệm.

Cùng một tâm sự như bà Jeanne d'Arc, hai chị em Trưng Trắc, Trưng Nhị một vì thù chồng, một vì nợ nước đều nổi lên đánh đuổi Thái Thú Tô Định, chiếm thành quách mà dựng nên một nền chính thống ở nước Nam.

Cũng một đoạn sử mà từ Đông sang Tây các hành vi các nữ anh hùng đều là một, thật đáng làm gương cho bạn nam-nhi.

Những tranh vẽ sự nghiệp hai bà Trưng mà được đem ra trình bầy trong ngày hội đền Hai Bà thật là một kỷ-niệm rất có ý nghĩa vậy.

T. Đ.

PHÀM NHÀ VĂN ĐỀU PHẢI ĐỌC

Tầm nguyên Từ-điển

Tinh-hoa linh 100 bộ kinh, chuyện cổ, rất nhiều văn - liệu, điển cố cần biết
Tựa của hai nhà kỳ-cựu trong học-giới : Nguyễn Văn - Ngọc và Trần Trọng - Kim

Giấy thường giá	2p.80
Giấy bouffant (còn vài bộ)	3p 80
Giấy bouffant bìa vải (còn ba bộ)	5p.00
Giấy bouffant bìa gấm (còn hai bộ)	10p.00

Thư-từ ngân-phiếu đề cho

M. LÊ VĂN-HOÈ giám-đốc QUỐC-HỌC THƯ-XÃ, *16bis Tiên Tsin* HANOI

TIẾNG DỘI CỦA BẠN ĐỌC

Nối lời ông Khuông-Việt : vấn - đề lập «Quốc-học-viện»

Chúng tôi thiết nghĩ : Thư-viện, cũng như vận-động trường, rất có can-hệ mật-thiết tới cuộc đời sống của con người. Sân vận-động có những « hoa-màu » dùng bồi-bổ cho cơ-thể ; thư-viện sản-xuất bao nhiêu « thức ăn » nuôi sống tinh-thần.

Cơ-thể ta ? Gần nay nhờ Chánh-phủ săn-sóc, xã-hội ta đã biết chú-trọng đến môn thể-dục. Có thể nói được rằng, hiện nay, vấn-đề thể-dục đã được « phổ-thông » : Thanh-niên ta ai cũng đang chăm-lo luyện lấy một thân-hình tráng-kiện.

Tinh-thần ta ? Hầu như vẫn chịu « đói » vì hoàn cảnh !

Cho nên có một thân-hình tráng-kiện, khỏe-khoắn, chưa đủ ! Cần phải có thêm một tinh-thần rắn-rỏi, mạnh-mẽ. Phải chăng hai quan-niệm về cơ-thể và về tinh-thần cần luôn luôn đi đôi với nhau ? Ta gắng công nuôi cơ-thể thế nào thì cũng cần nuôi tinh-thần như thế. Đào-luyện cho tấm thân một sức khỏe thì, đồng thời, phải trau-giồi cho tâm-chí một sức mạnh. Nếu không, đời người chưa đã hẳn là hoàn-toàn.

Có những bắp thịt tròn-trĩnh, bộ ngực nở-nang, cơ-thể khỏe-khoắn... không thôi ư ? Chưa lợi gì lắm cho cuộc đời. Vì, đó chỉ có thể cho ta hơn người ở chỗ sốc-vác được mọi công việc nặng-nề vất-vả, đương-đầu với thời-tiết, với yếu-đau ; đó chỉ là một ý của nền mỹ-thuật, và có khi, nếu bị lợi-dụng, đó chỉ là lợi-khí dẫn đến trác-táng và trụy-lạc.

Nhưng, khi ta đã có thêm được cả một tinh-thần mạnh-mẽ, khi ấy ta không hèn-nhát mà chịu lùi bước trước những hành-vi ngang-trái, hoặc chịu khoanh tay trước mọi sự hành-động bất công...

Vậy, trong lúc này, vấn-đề lập thư-viện không phải là viển-vông nữa ; không phải là một việc bàn rồi bỏ đấy như nhiều việc khác nữa. Công-cuộc thành lập, phải đâu do ở một nhóm người ? phải đâu có thể xong ngay trong một khoảng thời-gian ngắn ?

« Quốc học viện » dựng được hay không, đó còn trông nhờ ở Chánh-phủ nâng-đỡ trông-nom ; đó còn cậy ở tấm lòng quốc-dân hưởng-ứng.

Trong lúc đợi-chờ này, chúng tôi muốn nhắc đến những nhà « Xéc » ở các tỉnh. Ước-ao rằng những « Xéc » ấy sẽ không phải là cơ quan chỉ để làm những sự giải-trí như tiệc-tùng hay bài-lá ; song sẽ là những trụ-sở phụ-thuộc của «Quốc-học-viện» nay mai, sẽ là nơi gặp-gỡ của hết thảy mọi người muốn trông nhiều, biết rộng, mong gây lấy một tâm-hồn mạnh. Dám mong các ngài hội-trưởng cho mở toang cửa « tủ sách » của Hội quán, từ giờ đây.

CÂY THÔNG

Vấn-đề học chữ nho

(Một vài ý kiến)

Cuối năm ngoái, Hội-nghị Liên-bang Đông-dương quyết-định khôi-phục khoa học chữ nho trong các bậc học ở Đông-dương. Một lần nữa, ta nhận thấy cái mỹ-ý của chánh-sách Đại-Pháp về khai-hóa, về « giữ-gìn tương-lai các dân-tộc Đế-quốc ».

Kể từ 1918, các kỳ thi hương đã phế-bỏ, chữ nho không còn làm bậc thang danh-vọng, thì các thế-hệ sau đều hăm-hở, dùi-mài văn-hóa Âu-Tây. Trên con đường tiến lên, ta không ngoảnh cổ lại, điều khiếm-khuyết ấy đã từng bị huynh-trưởng chỉ-trích nặng lời, nhiều lời, tôi không cần nhắc lại.

Chỉ biết rằng, các nhà cầm quyền để ý đến dư-luận, đã thể tất những lý-lẽ chánh-đáng, nên mấy lần môn học chữ nho được khôi-phục vào chương-trình học, rút cục rồi cũng đến bị phế-bỏ vì con em lãnh-đạm, biếng-nhác, ương-ngạnh. nếu cứ như thế mãi, thì khôi-phục bao nhiêu lần cũng vô-ích, và phụ cả cái mỹ-ý của Chánh-phủ.

Cho nên, muốn được kết-quả hay, thì từ nay môn chữ nho phải có tính-cách bắt-buộc, nghĩa là giờ học phải ghi vào chương-trình, điểm-số cũng tính về các kỳ thi. Quyết rằng, nếu từ kỳ thi Yếu-lược cho tới Sơ-đẳng, Cao-đẳng, Trung-học mà thí-sinh bị con 0 về bài chữ nho là bị đánh hỏng thì trong khi ở trường, chẳng có người học-sinh nào dám trễ-nải.

Vấn-đề soạn sách chữ nho cũng rất cần, nhưng theo ý tôi thì chẳng khó gì. Ban tu-thư có các nhà túc-nho sẽ cứ tạm theo bộ *Tân-quốc-văn* về cách-thức và số chữ phải học, sửa đổi ít nhiều cho hợp với tình-cảnh bên ta. Tôi tưởng cứ tuần-tự, hằng tâm mà theo trong 6 năm bậc tiểu-học, học-trò An-nam phải có thể thuộc được hết. Rồi lên đến bậc trung-học, thì chữ nho chú-trọng về văn-chương trích-diễm, đạo-lý từ hàn » v. v.. ; lên đến bậc đại-học thì chú-trọng về danh-từ khoa-học để có thể diễn-đạt những tư-tưởng, tri-thức về văn-hóa Âu-châu.

Lại đặt những cách tưởng-lệ, khuyến-khích, như mỗi năm mở khoa thi chung (concours général) như lối ở bên Pháp. Làm như thế, thì học-trò các xứ phải gắng sức để giữ « nho-phong » cho xứ mình. Phàm việc gì có danh giá thì có kẻ hăng-hái, ham-thích, tỉ như « cúp bac », mê-đay về thể-thao, lại được có tên đăng báo cho thiên-hạ biết tiếng ..

Nói tóm lại, sự tổ-chức còn nhiều chi-tiết phiền-phức kể ra không hết trong phạm vi nhỏ hẹp, Bài này chỉ như mở một cuộc trưng cầu ý-kiến, và để tỏ rằng sự học chữ nho muốn có kết-quả hay thì phải được trọng-đãi.

Mấy lần trước đều thất-bại, chỉ vì chữ nho bị khinh-thường Phàm việc gì rẻ thì người đời không qui !

TRÚC-ĐÌNH

Chữ nôm ta

Tiếp theo trang 5

Tôi dẫn mấy câu thơ này để tỏ ra rằng dù đến đời Đường mà chữ Hán người Tàu đọc lên, người nước ta cũng vẫn hiểu được. Lấy cớ ấy mà suy-xét, thanh âm chữ Hán như giọng chúng ta đọc ngày nay cũng không sai lạc lúc sơ thủy là mấy. Vậy chữ nôm ta, phỏng theo âm vận chữ Hán quyết là phát nguyên từ lúc đạo Phật đã có ở nước ta rồi.

Chứng cứ. — Có thuyết nói chữ nôm ta có từ hồi Hán thuộc, do ở sử Tàu có chỗ chép : « dân An-nam gọi vua là *bì liên*, tức là « *bề trên* » viết theo lối nôm ta. Có thuyết lại nói chữ quốc-âm ta có từ đời Phùng-Hưng, do ở chữ « *Bố Cái* đại-vương » mà dẫn chứng. Hai thuyết này nói cũng cận lý. Có lẽ chữ nôm nảy mầm từ cuối nhà Hán, mà lưu hành ở đời Phùng đại-vương. Đời Phùng đại-vương, nước ta thuộc Đường, chính là lúc đạo Phật truyền-bá sang nước ta vậy.

Hãy gác bên chứng-cớ ở sử Tàu đi, ta đọc lại sử-ký bản-ký của ta, tất ta sẽ nhận thấy ở *Đinh-kỷ*, đã có chép những chữ « Chiêm thành », chữ « Chiêm nhân ». Chiêm-thành là thành Chàm, Chiêm nhân là người Chàm. *Lý Thái tôn kỷ* chép rằng : « Phong Chiêm-thành tiết-phụ *Mị-Ê* » nghĩa là phong cho người vợ tiết nước Chàm tên là mệ Ê «Mệ» là tiếng trong Thuận-huế, chỉ hạng phi-tần. *Lý Thần Tôn kỷ* mục nói về Đạo Hạnh, có chép rằng : « Đạo Hạnh qui *Sài-am*». «Sài-am» là chùa Thày. *Lý Anh Tôn kỷ*, mục nói về Thân Lợi làm phản, có câu rang : » Lợi bôn *Lượng-châu* » «Lương châu» tức là xứ Lạng.

Ta hãy tạm kể vài chứng-cớ ở Đinh-kỷ, Lý-kỷ, đủ rõ rằng ở những thời đại ấy, chữ nôm đã được thông dụng lắm, có đâu đợi đến đời Trần !

Đời Trần, bọn thược nho, mà Hàn Thuyên làm lĩnh-tụ, đã biết trọng chữ quốc-âm, biên chép lối văn nôm bằng thứ chữ ấy, để sĩ-thứ phụ-họa.

Đến lúc văn nôm viết bằng quốc-âm đã được nhiều người tán-thành, thì ca văn nôm lẫn chữ nôm, đã ở thời kỳ phát đạt rồi còn chi nữa !

Thậm chí đến cuối Lê, Nguyễn-Huệ viết thư cho La-sơn phu-tử theo như nguyên bản mà ông Hoàng xuân Hãn đã triển-lãm ở khu Tàng cổ Maurice Long kỳ hội chợ vừa rồi. Coi T. T. số 35, trang 2-3,) cũng đệm vừa nôm vừa chữ, đọc lên rất ngô-nghệ. La-sơn phu-tử là tay cự-nho đời Hậu Lê mà Nguyên Huệ còn gửi bức thư nửa nôm nửa chữ như thế, phương chi tự đời xưa, hoặc khi Bắc-thuộc, hoặc hồi tự trị, thì bề trên thông đạt xuống bề dưới, tất thế nào cũng phải có một thứ chữ làm môi-giới, cho phần đông dễ hiểu. Thứ chữ đó không phải là chữ nôm, thì phỏng còn dùng chữ gì ?

Kết luận. — Chữ nôm là do các nhà tăng-lữ hoặc bản-quốc hoặc Trung-quốc sáng chế ra, sau khi đạo Phật đã truyền-bá, sang nước ta vào khoảng cuối Ngũ-Đại, đầu đời Đường, cũng như chữ quốc-ngữ ngày nay là do các nhà truyền-giáo Thiên chúa sáng chế ra, sau khi đạo Gia-tô đã nhuần thấm vào đất Việt, cuối đời Lê đầu đời Nguyễn.

L. G.

Kỳ sau :

Tri-Tân sẽ ra một số chuyên-san về Đinh Tiên-Hoàng, trong có những bài khảo-cứu rất công phu về mọi phương diện đời Đinh như lịch sử, chính trị, hình luật và binh chế, v.v.

Lại có bản đồ vẽ rõ những địa điểm cát-cứ của mười hai sứ quân, những thiên tiểu sử về vua Đinh cùng các danh tướng của ngài như Đinh Điền, Nguyễn Bặc...

Cùng trong số ấy các bạn thân-yêu lại sẽ thấy những thơ ca, du-ký và truyện ngắn có dính liu đến chuyện Vạn-thắng-vương viết bởi những cây bút mà các bạn vẫn quen biết.

Số *chuyên-san Đinh Tiên-Hoàng* này, chúng tôi mong, sẽ góp được đôi chút tài liệu vào kho sử-học. Xin các bạn đón coi.

TRI-TÂN

Một đoạn lịch sử vẻ vang
ấy chuyện lý thú và ly kỳ của

Cụ Nguyễn-Hàm-Ninh
Cụ Cao-Bá-Quát
Đức ông Tuy-lý-Vương

Sẽ làm các bạn khoái trá bằng 60 trang văn chương đầy thi vị trong

Đời tài hoa

Một quyển sách rất có giá trị

Giá đặc biệt 0p35

Ở xa gửi bằng tem, thêm 0p06 cước cho : hiệu sách Đông Tây, 195 hàng Bông Hanoi,

THOÁT CUNG VUA MẠC

Số 14

CHU-THIÊN viết

NÀNG nói thế, rồi cũng rỉ tai kể sự tình lai lịch của mình và từ khi vào vương-phủ thế nào cho người ấy nghe. Người ấy lắng tai như chú ý và chăm-chăm nhìn nàng cho đến khi nàng thuật hết, người ấy đổi buồn làm vui nói :

— Thế ra vương-phi còn được may-mắn hơn tiện-tỳ nhiều !

Nàng liền vỗ vào vai người ấy nói thân-mật :

— Cấm không được gọi thế nhé. Tên là gì khai ra để người ta gọi cho nó dễ.

Người ấy cười đáp :

— Thưa vương-phi, tiện-tỳ tên là Lê-Kim !

Nàng phải gắt lên :

— Gớm ! đã bảo mà !

Lê-Kim ngồi lặng hồi lâu nghĩ ngợi, rồi mới nói :

— Không gọi là vương-phi nữa thì gọi tiểu-thư vậy. Thế bây giờ tiểu-thư định thế nào ?

Liên-Tường ruột đang rối bời với ý nghĩ ấy từ nãy, thấy hỏi liền lơ-đễnh đáp :

— Giờ chỉ còn có cách liều thân giữ nghĩa mà thôi !

Lê-Kim vội tiếp :

— Tiểu-thư chớ nên vội có đoản-kiến như vậy, âu là ta cùng nhau tìm cách tẩu thoát, tiểu-thư nghĩ thế nào ?

Liên-Tường lắc đầu làm ra bộ khó-khăn nói :

— Điều ấy tôi cũng đã nghĩ đến rồi. Cái nói dễ phải, nhưng ở đây, trong phủ ngoài thành, chim lồng khôn lẽ cất mình bay cao ! Vả, tôi mới khó, chứ chị muốn ra thoát chỗ này thì dễ lắm, để tôi đem oan tình của chị bẩm với Mạc-vương, chắc vương sẽ bắt tội những đứa gian thần mà tha cho chị về, chị không cần phải trốn. Đến như thân tôi thì thực là không còn hy-vọng gì !

Liên-Tường nói đến đấy, giọt lệ bỗng chảy ràn như mưa !

Lê-Kim vội nói :

— Xin tiểu-thư chớ quá thương-tâm, tiện-tỳ cũng không dám phiền tiểu-thư bẩm với Mạc-vương, vì làm thế thì chỉ được mình tiện-tỳ thôi, còn tiểu-thư thực không hy-vọng. Đã là chị em cùng hội cùng thuyền, ai lại thế được. Lúc trước chửa gặp tiểu-thư, tiện-tỳ mong mỏi được ra ngay lúc nào là sướng lúc ấy. Nhưng nay có tiểu-thư là người cùng cảnh thì thật lòng tiện-tỳ không muốn ra một mình tý nào. Ở lại đây rồi có chết thì cùng chết chứ. Nhưng rồi ta có cách, khi nào lại chịu làm ma xó ở đây.

Liên-Tường thấy Lê-Kim nói vậy, cảm-động quá, sùi-sụt nói với nàng rằng :

— Chị thủy chung quá thôi mất ! Nhưng lại cấm nữa đấy. Cấm tự xưng là tiện-tỳ nhé.

Lê-Kim làm như không nghe thấy câu nói ấy, hỏi cướp lời :

— Tiểu-thư được Mạc-vương tin yêu lắm phải không ?

Liên-Tường quay mặt nhìn Lê-Kim, lạ-lùng đáp :

— Vâng, tin-yêu lắm !

— Tiểu-thư có hay lên chỗ chính-tẩm Mạc-vương nằm không ?

— Có ! mấy hôm nay vương ốm, tôi ở luôn cả đêm ngày ở đấy !

— Thế, tiểu-thư có thấy...

Lê-Kim bỗng ngừng lại ghé vào tai Liên-Tường thì thầm một lúc lâu, Liên-Tường chỉ gật đầu và đáp :

— Có !... Có !

Lê-Kim ngồi im lặng một lát, rồi lại rỉ tai Liên-Tường nói nhỏ một hồi lâu, Đoạn quay ra, nàng nói to :

— Tiểu-thư nghĩ kỹ mà xem, chỉ có thế mới thoát thân khỏi chốn này. Mà hai chị em ta cùng ra yên-thảm. Ra khỏi đây rồi muốn ra thế nào thì thế.

Liên-Tường ngồi thừ ra suy-nghĩ. Sốt ruột Lê-Kim giục :

— Thế nào, tiểu-thư nghĩ có phải không ? Phải, thì ta làm luôn ngay đêm nay đi. Để lâu sợ nỡ dịp.

Liên-Tường liền đứng dậy, nói :

— Được rồi. Chị cao-kiến lắm. Kế ấy tuyệt diệu ; thế mà tôi băn-khoăn từ buổi đến giờ không tìm ra được. Chị sắp-sửa đi nhé. Nếu được, ta đi luôn ngay bây giờ.

Nói thế rồi nàng mở cửa bước ra thoăn-thoắt rảo bước giở về phòng riêng của Mạc-vương. Tên tính canh thấy nàng vào, kính cẩn cúi đầu thi lễ. Nàng hấp-tấp gật đầu chào lại rồi vào phòng, sau khi đã lặng-lẽ mở cửa ra và khép cửa lại.

Một lúc lâu sau, nàng lại giở ra ung-dung dặn tên lính thị-vệ rằng :

— Hôm nay đại-vương thư mình, ta về phòng riêng nghỉ. Ngươi canh đây phải cấm không cho ai vào

trong chính-tẩm nhé. Giờ mới quá canh ba đại-vương còn ngủ, ta không tiện nói. Hễ vương tỉnh giấc, có hỏi đến ta thì ngươi cứ tâu ta về Tây-phòng, gần sáng ta sẽ lại lên.

Tên lính cúi đầu vâng mệnh. Rồi nàng nhẹ-nhàng rảo bước với cả một nỗi vui lẫn trong sự lo-sợ...

PHẦN THỨ BA

I

Đêm càng khuya càng tĩnh. Gió không còn nữa. Ánh giăng suông tỏa qua làn sương mỏng càng thêm mờ-mờ lạnh-lẽo Trên chòi canh, những tiếng cồng, tiếng mõ rời-rạc gọi nhau vọng lên một lúc rồi lại lặng hẳn. Trên giời im, dưới đất im, chung quanh bốn bề đều im cả, một sự im-lặng mông-mênh đáng sợ. Thế mà từ trong chính-điện im-lìm của Mạc-vương kia đang tiến ra hai cái bóng đen đi lướt rất nhẹ-nhàng lanh-lẹn... Qua hết vườn tương điện ra đến ngoài, ánh giang mờ chiếu rõ hai bóng đen là hai người lính hầu cận của Mạc-vương, ăn-vận rất gọn-gàng. Ý chừng họ ra đi có việc gì cần cấp. Ra đến đồn-canh trong nội-phủ, có tiếng hỏi :

— Ai ?

— Chúng tôi !

Hai người đáp vậy, rồi cầm giơ cao một mảnh gỗ sơn buộc tua ngũ-sắc. Tên lính canh soi đuốc ra nhìn thấy rõ cái mộc-bài nổi bật giòng chữ « *Vương-phủ thân-nhân, quan-quân bất đắc bàn vấn* ». Hắn liền cúi đầu chào và vội mở cổng cho hai người ra đi. Nguyên cái mộc bài ấy là của Mạc-vương chế ra để tiện sai người tam phúc trong phủ đi có việc cơ-mật qua những chỗ canh gác không ai được hỏi han gì cả. Hai người ra lọt cổng trong, vội-vã rảo bước ra cổng ngoài, rồi đến cổng thành. Qua chỗ đồn canh nào, nhờ có tín-bài, hai người cũng được quân-lính vội-vàng mở cổng cho đi. Thành ra trong khoảnh-khắc, hai người đã ra khỏi thành, ngần-ngừ tìm lối một lát rồi mới lại cắm đầu đi. Đêm khuya, đường vắng, hai người cứ mải-miết bước đều-đều, xiên ngang tắt dọc văng-mạng, không theo đường lối nhất định chi cả. Đi được hồi lâu, một người mỏi chân và sức yếu đi không được nhanh, người lính kia vội cõng lên vừa đi vừa chạy, không dám lúc nào nghỉ, như có một việc gì khẩn-cấp lắm.

Hai người lính ấy tức là Liên-Tường tiểu-thư và Lê-Kim vậy. Hai nàng giả làm lính thân-tín của Mạc-vương đi lọt qua các nơi canh phòng rồi, nhưng vẫn còn sợ có người theo sau truy-nã, nên không dám đi trên đường cái cứ lần đường nhỏ qua các làng-mạc, toan thẳng lối về Hải-dương quê chồng Lê-Kim. Nhưng giời tối, không thể nhận đường lối rõ-ràng được, hai nàng cứ nhắm mắt đi liều, ma dắt lối, quỷ đưa đường, dần dần tiến lên mãi mạn Đoài mà không biết. Sáng ngày ra trông chung quanh toàn lạ nước lạ non, hai nàng ngập-ngừng không biết nên đi nữa hay nghỉ lại. Giời còn sớm quá, chưa có ai đi lại ; vả, đây đã tiếp đến đồng núi, nên làng-mạc rất thưa, muốn tìm vào nhà hỏi thăm cũng không tiện. Hai nàng liền ngồi tạm xuống một gốc đa bên đường, nghỉ chân. Xa-xa trong những xóm, làn khói biếc tuồi cơm sáng bốc lên, khiến khách lưu lạc càng thêm trạnh nhớ đến cảnh đoàn-tụ gia-đình ! Hai nàng xúc-động niềm riêng, vội đứng lên toan đi thì may sao một người đàn ông đã quá tuổi, ăn mặc lối tiều-phu vác búa cầm dao đi qua, hai nàng vội cung-kính chào hỏi :

— Kính chào ông ạ, thưa ông làm phúc bảo chúng tôi, đây là địa-phận hạt nào ạ ?

Người kia nhìn hai nàng từ đầu đến chân như dò xét rồi mới nói :

— Đây là phủ Quảng-oai thuộc thừa-tuyên (1) Sơn-tây. Hai ông đi việc quan ?

Lê-Kim giả vờ thẳng-thắn đáp :

— Bẩm vâng, chúng tôi đi việc quan về phủ Ứng-thiên (2) ở Sơn-nam, mà việc cần đi đêm thành ra lạc đường. Thưa ông, đây về Ứng-thiên có đường nào đi gần, ông làm phúc chỉ cho chúng tôi.

Người kia ngẫm nghĩ một lúc rồi nói :

— Ở đây mà đi Ứng-thiên chỉ có lối tắt qua khu rừng này là gần, đi xiên qua hết địa-phận Quảng-oai là đến Ứng-thiên ngay. Chúng tôi đi chợ Đình vẫn đi lối ấy.

— Bẩm ông lối có thẳng không ạ !

Thẳng lắm ! Vả, đường ở mồm ấy chứ, các ông cứ đi rồi hỏi dần, chứ nói cả lại quên mất. Các ông theo tôi ra chỗ đầu rừng kia, tôi chỉ lối cho mà đi !

— Vâng như thế quý hóa quá, làm phúc cũng như làm giàu, ông chỉ giùm chúng tôi, chúng tôi xin tạc dạ ghi ân mãi mãi.

Rồi hai nàng vui-vẻ theo sau ông lão tiều-phu, bình tĩnh như đi trên quãng đường quen thuộc... Đến đầu rừng, người tiều-phu bỗng cầm dao chem ta và nói một mình :

— Lợn *chốn* giạo này chắc béo lắm nhỉ !

Hai nàng tưởng hỏi vội đáp :

— Vâng, lợn giạo này béo...

Bỗng từ trong bụi rậm, năm người vạm-vỡ đen trùi-trũi cũng ăn mặc ra vẻ tiều-phu vác dao ra chặn đường bắt hai người đứng lại. Hai nàng không còn dám kêu-ca ; đành phải tuân mạnh. Chúng liền lôi tuột hai nàng vào rừng.

Nguyên đấy là miền rừng Mục-sơn, rừng núi liền nhau, dân cư thưa-thớt, nên bọn đầu trộm đuôi cướp thường tụ-tập để cướp phá các nơi. Ít lâu nay lại có bọn Lý-Trang giữ núi Mục-sơn lập trại, nuôi đồ-đảng đến ba, bốn trăm người, ngay cho đi chẹn các lối hẻm, bóc-lột hành-khách, đêm sai bộ-hạ đi cướp phá các nơi, dân gian rất là khổ-sở, mà quan địa-phương mấy lần đi tiễu-trừ đều không được, vì chúng xuất-một ở tận trong thâm-sơn. *Còn nữa*

CHU-THIÊN

1) Vua Thánh-tôn đổi lộ là thừa-tuyên, cũng như tỉnh bây giờ.

2) Ứng-thiên tức Ứng-hòa thuộc Hà-đông bây giờ.

Mảnh sử-liệu

Một việc khám kho

ĐỨC Thánh-tổ (Minh-Mạng) (1820-1840) triều Nguyễn là một ông vua rất siêng-năng và cẩn-thận, ngài thường xét cả đến những việc nhỏ ở trong kho Nội-vụ.

Niên-hiệu Minh-mạng thứ 18 (1837), vua sai Tham-tri Nội-vụ là Nguyễn Văn-Chương (1), vào tra xét các vật-liệu trong Nội-vụ, vì xem xét không được kỹ, nên bị ngài quở trách.

Ngài lại sai quan Thượng-thư bộ Hộ là Hà Duy-Phiên đi cùng mấy ông Ngự-sử vào mà xét lại.

Thấy sớ của ông Nguyễn Văn-Chương xin trích lấy hạng Tây-dương bố (vải tây) mà phát-mại kẻo lâu ngày e mục đi, ông Thượng bộ Hộ bèn tâu rằng: « Cái bố ấy ngày trước do ông Nguyễn Văn-Chương qua Lữ-tống (Tàu) mua về, hoen-ố nhiều lắm, nay lại xin phát mại đi thì thật chẳng khỏi có điều quan-ngại ».

Ông Tham-tri Nguyễn Văn-Chương thấy thế mới to tiếng cãi lại quan Thượng Hộ rằng: « Đó là tội tại cất giữ bất cẩn sinh ra hoen-ố, sao ông lại hạch tôi, vả lại sống, chết, họa, phúc, cũng có linh Thiên-tử chỉ-phán, bất quá ông hiệp-hiềm mà làm gì tôi đặng? »

Ông Thượng bộ Hộ tức-giận, làm sớ tham hặc dâng lên đức Minh-mạng. Ngài phán rằng: « Bầy tôi nhỏ mà to tiếng mắng bầy tôi lớn thì đáng cách chức và giao cho bộ Hình định tội ».

Ông Nguyễn Văn-Chương vào thỉnh tội, ngài phán hỏi: « Như việc nhà ngươi đó đáng tội ai? » Ông Chương quỉ mọp xuống đất lạy xin chịu tội chết. Đến lúc án hạ Hình tâu lên, chiếu theo luật tội mắng quan đại-thần thì phải bỏ tù.

Vua Minh-Mạng phán rằng: « Tên này ta thường hay sai sử nó, nó siêng năng và có công lao, vậy ta tha tội tù cho nó, chỉ giáng xuống làm thư-lại Nội-vụ ».

Rồi cùng năm ấy, đến mùa đông, đức Minh-Mạng lại cho ông Nguyễn Văn-Chương khai phục hàm Chủ-sự, sung chức Lang-trung và lĩnh hộ-lý trong Nội-vụ. (2) TIÊN-ĐÀM

1) Tức là ông Nguyễn Tri-Phương.

2) Thuật theo gia-phả nhà họ Nguyễn ở Thừa-thiên do một ông trong họ cho nghe.

Sách mới

Bản-chí đã nhận được:

1) *Hymnes et pavillons d'Indochine* do nhà Toàn quyền xuất bản. Trong sách có đăng các bài quốc-ca Pháp Nam Miên Lào có bản đàn và cờ Pháp nam cùng chân dung Thống chế Pétain, đức Bảo đại, vua Miên Norodom Sihanouk và vua Lào Sisavang Vong.

2) *Tầm nguyên từ-điển* của Lê văn-Hòa do Quốc-Học Thư-Xã xuất-bản. Tầm-nguyên từ-điển là một quyển tự vị sưu-tầm tài liệu kê-cứu ngữ nguyên và lịch sử những danh-từ và thành ngữ việt hán. Giá 2p80, dầy 356 trang.

Xin cảm ơn các nhà gửi tặng và vui lòng giới thiệu với độc-giả Tri Tân.

Về cải cách, Đông-dương sẽ đổi mới
Về nền nếp, Đông-dương sẽ theo cổ.

VIỆT-NAM DƯỢC-HỌC

in làm 12 cuốn

mỗi cuốn nói về 10 cây thuốc khác nhau dày trên dưới 3000 trang khổ 12x19, in làm 2 hạng;

Loại giấy thường bán từ: 10p.00 trở lên
Loại giấy đặc biệt bán từ: 30p.00 trở lên

thêm 2p.00 cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả.

Loại giấy thường 7p.00 } tiền cước gửi
Loại đặc biệt 12p.00 }

Ngài nào mua trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả.

Loại giấy thường 7p.00 } và thêm 1p.92
Loại đặc biệt 12p.00 } tiền cước gửi

Ngài nào muốn coi một cuốn xin gửi,

Loại giấy thường 1p.00 } cả tiền cước
Loại đặc biệt 3p.00 }

Thư và mandat mua sách xin gửi về cho:

Nhà in Mai-Lĩnh Hanoi

là nhà đã nhận xuất-bản

các sách thuốc của hội Y-học Trung-kỳ

VIỆT-NAM VĂN-HỌC

do NGÔ TẤT-TỐ chủ trương

1) Lý triều văn học
2) Trần triều văn học I
3) Trần triều văn học II
4) Lê triều văn học I
5) Lê triều văn học II
6) Nguyễn triều văn học

Dày tất cả ngót 2000 trang in làm 2 hạng.
Loại giấy thường bán từ 6 p. 00 trở lên.
Loại đặc biệt — 20 p. 00 trở lên.
thêm cước gửi ngoài

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng janvier 1942 phải trả:

Loại giấy thường 4 p. 00 } cả tiền cước gửi.
Loại đặc biệt 12 p. 00 }

Ngài nào mua toàn bộ trả tiền trước trong tháng Février 1942 phải trả:

Loại giấy thường 5 p. 00 } cả tiền cước gửi
Loại đặc biệt 15p. 00 }

Ngài nào muốn coi một cuốn đầu xin gửi:

Loại giấy thường 1 p. 00 } cả tiền cước.
Loại đặc biệt 3 p 00 }

Nhà in MAI-LĨNH Hanoi xuất bản

NHÀ XUẤT BẢN

MAI-LINH

Rue des Pipes Hanoi

Mới in xong

LÃO-TỬ

Một quyển sách rất có giá trị

Giá 0$80

Nhà thuốc tường đỏ

DỨC PHONG

45, Phố Phúc-kiến Hanoi

Bán buôn đủ thuốc bắc, thuốc nam, thuốc sống, bào chế, các thứ sâm.

MỚI PHÁT HÀNH 4 MÓN

Thuốc kinh nghiệm

1° Thuốc bổ thận Đức-phong giá 1p.50
Chữa các chứng thận hư : di tinh, mộng tinh khí hư

2° Thuốc điều kinh bổ huyết Đức-phong giá 1p 20
Kinh nguyệt thấy đều, tăng sức khỏe cho các bà, các cô.

3 Thuốc bổ tỳ tiêu cam Đức-phong giá 1p 00
Chữa chứng cam run, thuốc bổ của trẻ em

4° Thuốc đai bổ Đức-phong giá 1p.50
Bổ khí huyết, dưỡng thai, thuốc bổ của nam phụ lão ấu.

CÓ ĐẠI LÝ CÁC NƠI : Hiệu thuốc Đức-tiến. 200 Route de Huế Hanoi, Hiệu thuốc Đức-Mỹ 52 bis Bạch-mai Hanoi, hiệu Đức-Hưng- đường 437 Ngã-tư Trung-hiền Hanoi, hiệu Mai-Lĩnh 60, 62 Paul Doumer Haiphong, hiệu Mai-Lĩnh 120 Georges Guynemer Saigon, hiệu Đậu-hiên 81 rue Harmand Hưng-Yên, hiệu Đức-thịnh 126 phố Tiền-An Bắc-ninh, nhà Anh-Mỹ 16 phố Hàng Da Hanoi, Tự-Toàn 144 rue Duvilliers Hanoi; Vu-văn Kích Avenue Aristide-Bridan Boite postales N° 62 PhnomPenh.

THOÁI-NHIỆT-TÁN HỒNG-KHÊ

Cảm, sốt, nhức đầu, đau sương đau mình, trẻ con người lớn uống một gói Thoái-Nhiệt-Tán hiệu Phật 12 tay giá 0p.10.

THUỐC KHÍ HƯ

Các bà bị bệnh ra khí hư (sinh bệnh đái hạ) dùng một hộp thuốc khí hư Hồng-Khê số 60 giá 1p.00 uống trong và một hộp thuốc Ninh-Khôn Hoàn Hồng-Khê giá 1p.50.

ĐIỀU KINH DƯỠNG HUYẾT

Các bà các cô kinh không đều máu sấu uống thuốc Điều kinh dưỡng huyết Hồng-Khê (0p.50 một hộp).

THUỐC « CAI HỒNG-KHÊ »

Không chộn lẫn chất thuốc phiện (nhà đoan đã phân chất), thuốc viên 0p.50 một hộp, thuốc nước 1p.00 một chai.

THUỐC PHONG TÌNH HỒNG-KHÊ

Thuốc lậu Hồng-Khê số 30, mỗi hộp 0p60; ai bị bệnh giang mai uống thuốc giang mai số 14.

NHÀ THUỐC HỒNG-KHÊ

Tổng cục : **75 Phố Hàng Bồ.** *Chi nhánh* **88 Phố Huế Hanoi và đại-lý các nơi.**

Có biếu sách GIA-ĐÌNH Y-DƯỢC và HOA-NGUYỆT CẨM-NANG để phòng thân và trị bệnh

Imp. spéciale du Tri-Tân Administrateur-gérant : Dương-Tụ-Quán